

Số: 4135 /QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nội dung và kinh phí đề tài
khoa học và công nghệ cấp Bộ thực hiện năm 2025-2026**

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 01/2023/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Biên bản họp các Tổ thẩm định nội dung nghiên cứu và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ năm 2025-2026;


Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung và kinh phí đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ thực hiện năm 2025-2026 (Danh mục kèm theo Quyết định này).

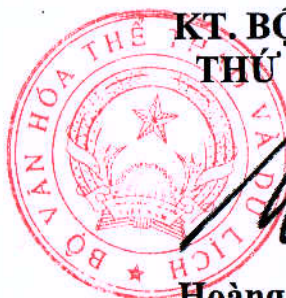
Điều 2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm: Hướng dẫn chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN chỉnh sửa, hoàn thiện Hồ sơ thuyết minh nhiệm vụ KH&CN theo kết luận của các Tổ thẩm định nội dung, kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ năm 2025-2026; Ký Hợp đồng khoa học và phát triển công nghệ; quản lý việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 1761/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt nội dung và dự toán kinh phí thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ năm 2025-2026.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính, Thủ trưởng đơn vị chủ trì và chủ nhiệm đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Hoàng Đạo Cương;
- Lưu: VT, KHCNMT, ĐL.60.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**


Hoàng Đạo Cương



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

DANH MỤC

Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ năm 2025-2026
(Kèm theo Quyết định số 4135/QĐ-BVHTTDL ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Chủ nhiệm đề tài và đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Trong đó		Dự toán kinh phí năm 2025	Trong đó		Dự toán kinh phí 2026
					Khoản chi	Không khoản chi		Khoản chi	Không khoản chi	
16	Nghiên cứu xây dựng tiêu chí du lịch bền vững cho các điểm du lịch nông thôn tại Việt Nam.	ThS. Võ Thị Kim Dung Trung tâm Thông tin Du lịch	2025-2026	500	500	0	300	300	0	200
17	Nghiên cứu quy trình xây dựng nền tảng bản đồ số du lịch để phát triển du lịch bền vững.	CN. Nguyễn Duy Minh Trung tâm Thông tin Du lịch	2025-2026	500	500	0	300	300	0	200

74

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
CỤC DU LỊCH QUỐC GIA VIỆT NAM
TRUNG TÂM THÔNG TIN DU LỊCH**

HỒ SƠ THUYẾT MINH

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

**“Nghiên cứu quy trình xây dựng nền tảng bản đồ số du lịch
để phát triển du lịch bền vững”**

- Tổ chức đăng ký chủ trì: Trung tâm Thông tin du lịch
- Cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm: CN. Nguyễn Duy Minh

1. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Bộ
- Bản cam kết ứng dụng kết quả nghiên cứu
- Thuyết minh nhiệm vụ KHCN
- Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ KHCN
- Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN và những người tham gia

2. Số lượng hồ sơ: 01 hồ sơ gốc, 03 bản sao và 01 bản điện tử

Hà Nội, 2024

A. Tên nhiệm vụ KHCV: **Nghiên cứu xây dựng nền tảng bản đồ số du lịch để phát triển du lịch bền vững**

B. Tổ chức đăng kí chủ trì: **Trung tâm Thông tin du lịch**

Địa chỉ: Số 33 ngõ 294/2 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

C. Cá nhân đăng kí làm chủ nhiệm: CN. Nguyễn Duy Minh

Thư ký đề tài: CN. Đinh Thị Phương Mai

Các thành viên tham gia: CN. Hoàng Quốc Hòa

ThS. Nguyễn Đạo Dũng

CN. Nguyễn Thành Nam

ThS. Nguyễn Văn Minh

TS. Trần Thanh Hà

TS. Trần Thị Hòa

ThS. Trần Trường Giang

ThS. Đinh Bảo Ngọc

D. Danh mục tài liệu, văn bản có trong Hồ sơ:

1. Đơn đăng kí chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCV cấp Bộ
2. Bản cam kết ứng dụng kết quả nghiên cứu
3. Thuyết minh nhiệm vụ KHCV
4. Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng kí chủ trì nhiệm vụ KHCV
5. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng kí chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCV và những người tham gia thực hiện.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ
CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Kính gửi: Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Căn cứ Quyết định số 1283/QĐ-BVHTTDL ngày 10/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ để tuyển chọn đưa vào thực hiện năm 2025-2026, và công văn số 1993/BVHTTDL-KHCNMT ngày 13/5/2024 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn xây dựng Hồ sơ thuyết minh tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ năm 2025-2026, chúng tôi:

a) Trung tâm Thông tin du lịch - Tổng cục Du lịch
Địa chỉ: Số 33 ngõ 294/2 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

b) Tên chủ trì đề tài: Nguyễn Duy Minh
Học vị: Cử nhân
Địa chỉ nhà riêng: 52/548 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, TP. Hà Nội

Đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ: “**Nghiên cứu quy trình xây dựng nền tảng bản đồ số du lịch để phát triển du lịch bền vững**”

Thuộc lĩnh vực KH&CN: Khoa học xã hội và nhân văn

Hồ sơ đăng ký tuyển chọn chủ trì thực hiện nhiệm vụ gồm:

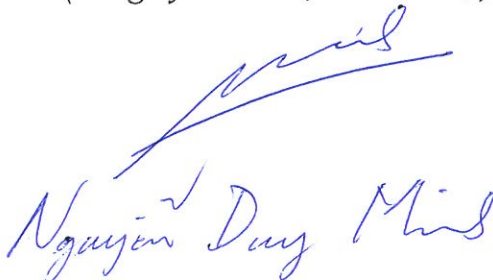
- Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ;
- Bản cam kết của đơn vị sử dụng kết quả nghiên cứu;
- Thuyết minh nhiệm vụ KHCN
- Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ KHCN;
- Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN và những người tham gia.

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong Hồ sơ này là đúng sự thật.

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM

(đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ)


Nguyễn Duy Minh

TỔ CHỨC

(đăng ký chủ trì nhiệm vụ)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN năm 2025-2026
“Nghiên cứu quy trình xây dựng nền tảng bản đồ số du lịch để phát triển du lịch bền vững”

a) Tên tổ chức: **Trung tâm Thông tin du lịch - Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam**

b) Địa chỉ: Số 33 ngõ 294/2 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

c) Cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN: CN. Nguyễn Duy Minh

2. Tổ chức đăng ký ứng dụng nhiệm vụ KHCN:

a) Tên tổ chức: **Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam**

b) Địa chỉ: 80 Quán Sứ - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Chúng tôi cam kết:

1. Sau khi hoàn thành và được nghiệm thu, kết quả nghiên cứu của Đề tài “Nghiên cứu xây dựng nền tảng bản đồ số du lịch để phát triển du lịch bền vững” sẽ được Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam áp dụng vào thực tiễn trong công tác quản lý nhà nước về du lịch.

2. Thời gian áp dụng: từ năm 2027 (sau khi nhiệm vụ nghiên cứu hoàn thành và được nghiệm thu).

3. Kinh phí để áp dụng: Trích từ nguồn ngân sách Nhà nước hoặc kinh phí của các đơn vị sử dụng kết quả nghiên cứu.

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**Tổ chức đăng ký chủ trì
nhiệm vụ KHCN**



GIÁM ĐỐC

Hoàng Quốc Hòa

**Tổ chức đăng ký ứng dụng
nhiệm vụ KHCN**



CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Lê Phúc

**Cá nhân đăng ký chủ trì
nhiệm vụ KHCN**

CN. Nguyễn Duy Minh

THUYẾT MINH
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ
 (Áp dụng đối với đề tài khoa học xã hội và nhân văn)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1	Tên đề tài: Nghiên cứu quy trình xây dựng nền tảng bản đồ số du lịch để phát triển du lịch bền vững	1a. Mã số của đề tài:
2	Loại đề tài: <ul style="list-style-type: none"> - <input type="checkbox"/> Thuộc Chương trình (Ghi rõ tên chương trình), Mã số: - <input checked="" type="checkbox"/> Độc lập - <input type="checkbox"/> Khác 	
3	Thời gian thực hiện: 24 tháng (từ tháng 01 /năm 2025 đến tháng 12/năm 2026)	
4	Kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), trong đó: <ul style="list-style-type: none"> - Từ ngân sách sự nghiệp khoa học: 500.000.000 đồng - Từ nguồn tự có của tổ chức: 0 đồng - Từ nguồn khác: 0 đồng 	
5	Phương thức khoán chi: <input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng	<input checked="" type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí khoán: 500.000.000 đồng - Kinh phí không khoán: 0 đồng
6	Cá nhân chủ nhiệm đề tài: Họ và tên: Nguyễn Duy Minh Ngày, tháng, năm sinh: 17/12/1975; Nam/ Nữ: nam Học hàm, học vị: Cử nhân Chức danh khoa học: Chức vụ: Trưởng phòng Công nghệ thông tin và Truyền thông Điện thoại của tổ chức: (024) 3943 7072; Mobile: 0913581246 Fax: (024) 3826 3956; E-mail: bd@vietnamtourism.gov.vn Tên tổ chức đang công tác: Trung tâm Thông tin du lịch - Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam Địa chỉ tổ chức: Số 33 ngõ 294/2 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội Địa chỉ nhà riêng: 52/548 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, TP. Hà Nội	
7	Thư ký đề tài: Họ và tên: Đinh Thị Phương Mai Ngày, tháng, năm sinh: 07/02/1987; Nam/ Nữ: nữ Học hàm, học vị: Cử nhân Chức danh khoa học: Chức vụ: chuyên viên Điện thoại của tổ chức: (024) 3943 7072; Mobile: 0942300712 Fax: (024) 3826 3956; E-mail: maittc@vietnamtourism.gov.vn Tên tổ chức đang công tác: Trung tâm Thông tin du lịch - Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam Địa chỉ tổ chức: Số 33 ngõ 294/2 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	

8	Tổ chức chủ trì đề tài: Tên tổ chức chủ trì đề tài: Trung tâm Thông tin du lịch Điện thoại: (024) 3943 7072 Fax: (024) 3826 3956 E-mail: titc@vietnamtourism.gov.vn Website: http://www.titc.vn Địa chỉ: Số 33 ngõ 294/2 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội Họ và tên thủ trưởng tổ chức: Hoàng Quốc Hòa Số tài khoản: 952311058713 Ngân hàng: Kho bạc Nhà nước Hà Nội Cơ quan chủ quản đề tài: Trung tâm Thông tin du lịch			
9	Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài: 1. Tổ chức 1: Trung tâm hỗ trợ phát triển Khoa học kỹ thuật, Trường Đại học Mỏ Địa Chất Địa chỉ: Tầng 1 ,Nhà A, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 18 phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội Điện thoại: 024 2218 3046; Fax: 016 5480 6361 Email: tthotro.mdc@gmail.com Họ và tên thủ trưởng tổ chức: PGS.TS Nguyễn Trường Xuân - Giám đốc 2. Tổ chức 2: Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình Địa chỉ: 06 đường Tràng An, phường Đông Thành, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình Điện thoại: 0229 3871 263; Fax: 0229 3871 263; Email: sodulich@ninhbinh.gov.vn Họ và tên thủ trưởng tổ chức: Ông Phạm Duy Phong - Phó Giám đốc			
10	Các cán bộ thực hiện đề tài:			
	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho đề tài (Số tháng quy đổi¹)
1	CN. Nguyễn Duy Minh	Trung tâm Thông tin du lịch	Chủ nhiệm đề tài	7 tháng
2	CN. Đinh Thị Phương Mai	Trung tâm Thông tin du lịch	Thư ký đề tài	6 tháng
3	CN. Hoàng Quốc Hòa	Trung tâm Thông tin du lịch	Thành viên chính	3 tháng
4	CN. Nguyễn Thành Nam	Trung tâm Thông tin du lịch	Thành viên chính	3 tháng
5	ThS. Nguyễn Đạo Dũng	Phòng Quản lý Lễ hành (Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam)	Thành viên chính	3 tháng
6	ThS. Nguyễn Văn Minh	Trung tâm Thông tin Xúc tiến du lịch (Sở Du lịch Ninh Bình)	Thành viên chính	3 tháng

¹ Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng

7	TS.Trần Thanh Hà	Trường Đại học Mỏ - Địa Chất	Thành viên chính	3 tháng
8	TS. Trần Thị Hòa	Trường Đại học Mỏ - Địa Chất	Thành viên chính	3 tháng
9	ThS. Trần Trường Giang	Trường Đại học Mỏ - Địa Chất	Thành viên	2 tháng
10	ThS. Đinh Bảo Ngọc	Trường Đại học Mỏ - Địa Chất	Thành viên	2 tháng

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

11	Mục tiêu của đề tài: <p><i>Mục tiêu chung:</i> Xây dựng quy trình thành lập bản đồ số du lịch trên nền tảng kỹ thuật công nghệ 4.0 góp phần chuyển đổi số toàn diện ngành du lịch, tạo nên một nền tảng số đồng bộ, khả thi nhằm nâng cao năng lực chất lượng quản lý và phát triển du lịch theo hướng bền vững.</p> <p><i>Mục tiêu cụ thể:</i> Xây dựng được quy trình thành lập bản đồ số du lịch trong phát triển du lịch bền vững.</p>
12	Tình trạng đề tài: <input checked="" type="checkbox"/> Mới <input type="checkbox"/> Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả <input type="checkbox"/> Kế tiếp nghiên cứu của người khác
13	Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài: <p>13.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài</p> <p>Trong những năm vừa qua đã có rất nhiều các công trình nghiên cứu về vai trò của bản đồ số trong phát triển du lịch bền vững. Đề tài đã tổng quan tìm hiểu một số công trình khoa học để có thể xác định vấn đề cần nghiên cứu và vận dụng những kết quả khoa học đã đạt được vào lĩnh vực nghiên cứu, cụ thể là:</p> <p>a. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài về bản đồ số trong phát triển du lịch bền vững:</p> <p>Du lịch là một trong những ngành công nghiệp lớn nhất và phát triển nhanh nhất trên thế giới, đóng góp đáng kể vào nền kinh tế toàn cầu và cung cấp cơ hội việc làm cho hàng triệu người [1, 2, 3]. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng của du lịch cũng mang lại nhiều thách thức về môi trường, xã hội và kinh tế, bao gồm tình trạng du lịch quá tải, suy thoái tài nguyên thiên nhiên, và những tác động tiêu cực đến cộng đồng địa phương [4, 5, 6, 7].</p> <p>Để giải quyết những thách thức này, du lịch bền vững đã và đang là vấn đề được nhiều quốc gia trên thế giới quan tâm, và nó được coi như một cách tiếp cận quan trọng cho sự phát triển du lịch, nhấn mạnh sự tích hợp các yếu tố về môi trường, xã hội và kinh tế trong quy hoạch và quản lý du lịch [8, 9]. Phát triển bền vững các điểm đến du lịch là một vấn đề cốt lõi trong lĩnh vực du lịch, bởi nó không chỉ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của khu vực mà còn đảm bảo việc bảo tồn các tài nguyên thiên nhiên và văn hóa cho các thế hệ tương lai [10, 11, 12].</p> <p>Ngoài ra trong nghiên cứu của Leung và các cộng sự [13] có nhấn mạnh rằng chất lượng dịch vụ trong du lịch là nền tảng cho sự phát triển của du lịch bền vững, và tác giả xem bản đồ là một công cụ quan trọng để đạt được điều này. Vì vậy, hiệu quả của bản đồ</p>

phải được cải thiện không ngừng. Do đó, ngoài mối quan tâm về việc sản xuất một loại sản phẩm bản đồ chính xác và thực tế, trung thành với các khái niệm cơ bản về bản đồ và cho phép khách du lịch lập kế hoạch và chuẩn bị các hoạt động giải trí của mình, cần phải thiết kế những bản đồ có sức hấp dẫn thẩm mỹ lớn hơn.

Trong những năm gần đây, bản đồ số ngày càng được công nhận là một yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển du lịch bền vững, mang đến những cơ hội mới để cải thiện, quản lý điểm đến, nâng cao trải nghiệm của du khách [14], và khuyến khích những hành động để hướng đến du lịch bền vững [15, 16, 17]. Các bản đồ số được thể hiện trên các thiết bị điện tử hay các ứng dụng di động, giúp phân tích dữ liệu lớn có tiềm năng cách mạng hóa, đây chính là cách mà các điểm đến du lịch vận hành, giao tiếp, và tương tác với du khách cùng các bên liên quan [18, 19, 20, 21, 22], nâng cao quản lý tài nguyên du lịch và cải thiện trải nghiệm của du khách [23].

Tại Nhật Bản, Cơ quan Xúc tiến Du lịch Nhật Bản (JNTO) đã xây dựng các chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy du lịch bền vững ở Nhật Bản nhằm góp phần đạt được các mục tiêu phát triển bền vững (SDG). Các mục tiêu bao gồm: Phổ biến thông tin về các khu vực cụ thể của Nhật Bản và các dịch vụ du lịch kết hợp và thúc đẩy du lịch bền vững; Quảng bá những câu chuyện thành công của chính Nhật Bản; Khuyến khích người Nhật đi nghỉ ở nước ngoài và du khách nước ngoài đến Nhật Bản trở thành những du khách có trách nhiệm; Thúc đẩy 'du lịch toàn cầu', tức là du lịch mà bất kỳ ai cũng có thể tận hưởng, bất kể các yếu tố như chủng tộc, quốc tịch, tôn giáo, giới tính. Trong đó, bản đồ số là công cụ quan trọng mà Nhật Bản đã sử dụng để hiện thực hóa mục tiêu thứ nhất [24]

Hay tại Trung Quốc nơi có ngành công nghiệp du lịch phát triển rất mạnh, có rất nhiều ứng dụng sử dụng bản đồ số phục vụ du lịch/khách du lịch được xây dựng như: Baidu Maps, Amap, Tencent Map and Sogou Map 3D City. Đây là các ứng dụng bản đồ số chạy trên cả nền tảng web và di động, khách du lịch nước ngoài đến Trung Quốc thường sử dụng phục vụ mục đích tham quan và khám phá các địa điểm du lịch hoặc các địa điểm theo sở thích cá nhân [25].

Vào năm 2023, Tổng cục du lịch Thái Lan (TAT) tập trung vào việc cung cấp những trải nghiệm du lịch có ý nghĩa hơn bằng cách khuyến khích khách du lịch tương tác với người dân, văn hóa và thiên nhiên địa phương. Nhìn về phía trước, họ cam kết tiếp tục định hình du lịch Thái Lan thành một ngành bền vững và có trách nhiệm, thúc đẩy các kết nối giúp du khách toàn cầu hiểu sâu hơn và đánh giá cao đất nước và con người nơi đây. Tourism Cares [26] là bản đồ số đóng vai trò như một công cụ giúp thương mại du lịch và những khách du lịch có tư tưởng bền vững dễ dàng tìm kiếm các tổ chức tạo ra tác động tích cực đến xã hội và môi trường tại các điểm đến. Khám phá các dịch vụ bền vững, đã được kiểm duyệt ở Thái Lan sẵn sàng đặt cho chuyến đi tiếp theo của bạn.

b. Tình hình nghiên cứu ở trong nước:

Trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, việc hỗ trợ cung cấp thông tin du lịch có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với công tác quảng bá hình ảnh du lịch của Việt Nam mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với khách du lịch, doanh nghiệp và cộng đồng. Ngày nay, với sự phát triển của công nghệ thông tin, cho phép các nhà lập trình thiết kế, tích hợp nhiều tính năng, tiện ích đa dạng trên nền tảng số hỗ trợ các hoạt động du lịch như: bản đồ du lịch điện tử, chức năng booking online, thanh toán trực tuyến, tư vấn trực tuyến... thậm chí có thể tạo

ra sự tương tác trực tiếp của khách du lịch như góp ý, phản ánh, bình luận về các sự kiện du lịch.

Để hỗ trợ hoạt động du lịch của du khách, các địa phương của Việt Nam trong những năm qua đã sớm nghiên cứu áp dụng công nghệ bản đồ số và GIS để thành lập các bản đồ du lịch. Một số tỉnh đã xuất bản các bản đồ dưới hai hình thức bản đồ in ấn và bản đồ số như tập bản đồ số tỉnh Vĩnh Phúc, tỉnh Đồng Nai. Trên các trang Web của các tỉnh hầu như đều giới thiệu các bản đồ số dưới dạng ảnh (raster) về hành chính, địa hình và du lịch... nhưng thông tin về các tuyến điểm, khu du lịch còn hạn chế. Một số tỉnh có bản đồ du lịch dạng tương tác và cho phép khai thác ở nhiều tỷ lệ khác nhau như bản đồ số du lịch hỗ trợ khách thăm quan Hoàng cung Huế [27]. Các công ty lữ hành thường đăng tải trên mạng các bản đồ ảnh về một điểm du lịch, nội dung chủ yếu chỉ dẫn đường đến các điểm du lịch.

Năm 1998, Trung tâm thông tin - Tổng cục Du lịch (nay là Trung tâm Thông tin du lịch - Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam) đã phát hành bộ đĩa CD “Vietnam Travel” về du lịch Việt Nam. Năm 2008, Trung tâm tiếp tục phát hành CD-ROM “Niên giám du lịch Việt Nam 2008” bằng 3 ngôn ngữ Việt – Anh – Pháp. CD-ROM này có thể coi là một cơ sở dữ liệu súc tích, đầy đủ nhất về Du lịch Việt Nam, bao gồm thông tin về các Công ty lữ hành quốc tế và nội địa, các khu nghỉ dưỡng, các khu vui chơi giải trí, khách sạn, nhà hàng, cửa hàng tiêu biểu... cùng với hình ảnh minh họa, bản đồ chỉ dẫn. CD-ROM cũng giới thiệu khái quát đặc điểm về Du lịch Việt Nam, địa chỉ liên hệ với các cơ quan quản lý về du lịch cấp tỉnh, các Trung tâm xúc tiến thương mại, du lịch... tạo khả năng tìm kiếm nhanh, kết hợp với các tiêu chí khác nhau, đáp ứng được nhu cầu tra cứu thông tin của du khách [28].

Cùng với sự phát triển công nghệ trên thế giới, WebGIS mã nguồn mở tại Việt Nam đang từng bước được nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi hơn trong ngành du lịch. Năm 2006, Trần Quốc Vương đã thiết kế xây dựng WebGis phục vụ du lịch thành phố Đà Nẵng theo chuẩn OGC, xây dựng máy chủ cung cấp dịch vụ Web (WFS), cung cấp các tính năng tương tác trên bản đồ như phóng to, thu nhỏ, xem toàn phần, dịch chuyển theo hướng, tìm kiếm thông tin thuộc tính, xem các đối tượng trên bản đồ tuy nhiên chưa phóng to đến vị trí đối tượng khi người dùng kích chọn [29]. Năm 2008, Trần Quốc Bảo thực hiện nghiên cứu quy trình đưa các dữ liệu định dạng vector lên trang web sử dụng đặc tả WMS (Web Map Service) của OGC, hoàn tất đưa dữ liệu du lịch của thành phố Hồ Chí Minh lên Web năm 2008 [30]. Năm 2010, Nguyễn Quang Tuấn, Hà Văn Hành, Trương Đình Trọng và Lê Thái Sơn đã ứng dụng WebGIS (công nghệ theo chuẩn OpenGIS) để xây dựng hệ thống thông tin du lịch của tỉnh Quảng Trị (quangtri – tourmap) cung cấp công cụ quản lý, cập nhật thông tin bản đồ, tin tức cho các nhà quản lý; hỗ trợ công cụ tìm kiếm địa điểm, tìm đường và hiển thị bản đồ, truy vấn nhanh thông tin bản đồ cho người sử dụng [31]. Năm 2011, Đoàn Thị Xuân Hương – Đại học Mở Địa chất đã công bố bài báo “Ứng dụng công nghệ WebGIS trong quản lý CSDL du lịch” tại Hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc năm 2011. Nội dung chính của bài báo là nghiên cứu về WebGIS, khả năng xây dựng ứng dụng WebGIS, trên cơ sở đó ứng dụng xây dựng WebGIS của công nghệ ArcGIS Server phục vụ du lịch Thành phố Hà Nội [32].

Năm 2014, UBND tỉnh Hà Giang đã phê duyệt cho trường Đại học Thái Nguyên thực hiện đề tài khoa học “Nghiên cứu ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) xây dựng bản đồ trực tuyến quản lý không gian du lịch Hà Giang” [33]. Kết quả nghiên cứu của đề tài đóng vai trò quan trọng phục vụ cho công tác quản lý, khai thác du lịch của UBND tỉnh Hà Giang, Sở

VHTT&DL Hà Giang, BQL Công viên Địa chất Toàn cầu - Cao nguyên đá Đồng Văn.

Năm 2013, Viện Địa lý đã thực hiện thành công đề tài: “Xây dựng bản đồ du lịch điện tử Thành phố Hải Phòng” [34]. Đề tài độc lập – hợp tác với UBND Thành phố Hải Phòng. Sản phẩm Bản đồ điện tử Du lịch Hải Phòng trên đĩa CD do Viện Địa lý thực hiện đã đáp ứng nhu cầu chia sẻ và tra cứu các thông tin trong cộng đồng và phục vụ công tác quản lý và tuyên truyền quảng bá các hình ảnh cũng như hoạt động trong lĩnh vực du lịch cho thành phố Hải Phòng.

Năm 2013- 2015, Viện Địa lý cũng đã thực hiện thành công đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ: “Ứng dụng công nghệ GIS và WebGIS để xây dựng bản đồ du lịch điện tử tỉnh Thái Bình” [35]. Đề tài thực hiện trong khuôn khổ hợp tác giữa Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và UBND tỉnh Thái Bình. Kết quả nghiên cứu của đề tài đã góp phần cung cấp Hệ thống cơ sở dữ liệu về du lịch quản lý trong phần mềm ARCGIS có độ tin cậy cao và hoàn chỉnh; đĩa CD bản đồ điện tử Du lịch của tỉnh Thái Bình; Trang web atlas điện tử trực tuyến du lịch tỉnh Thái Bình (tiếng Anh, tiếng Việt). Kết quả của đề tài có những đóng góp về mặt khoa học và lý luận thực tiễn phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững tỉnh Thái Bình. Đồng thời, góp phần giới thiệu quảng bá du lịch tỉnh Thái Bình bằng công nghệ hiện đại.

Năm 2017 - 2019, Viện Địa lý tiếp tục bảo vệ thành công đề tài nghiên cứu khoa học thuộc Chương trình Công nghệ cao do UBND tỉnh Ninh Bình phê duyệt “Xây dựng bản đồ du lịch điện tử tỉnh Ninh Bình” [36]. Kết quả nghiên cứu của đề tài đã chuyển giao cho tỉnh Ninh Bình: Bộ CSDL số về du lịch, bộ bản đồ du lịch điện tử, bộ dữ liệu đa phương tiện của 38 điểm du lịch; Trang Web bản đồ du lịch điện tử tỉnh Ninh Bình trên nền tảng WebGIS và Mobile GIS (được thể hiện theo 2 ngôn ngữ: Tiếng Việt và Tiếng Anh). Các sản phẩm được thiết kế khoa học với các công nghệ hiện đại, đáp ứng nhu cầu quản lý, hiển thị, khai thác và tìm kiếm thông tin về du lịch Ninh Bình. Đây là những sản phẩm thiết thực cho người dùng góp phần tuyên truyền, quảng bá và phát triển ngành du lịch của tỉnh Ninh Bình.

Gần đây nhất, Sở Du lịch Hà Nội tiến hành xây dựng hệ thống bản đồ số du lịch thông minh nhằm thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, hướng tới người dân, doanh nghiệp hưởng lợi từ Dịch vụ công trực tuyến, Sở tập trung số hóa dữ liệu về khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch; xây dựng hệ thống bản đồ số du lịch thông minh thành phố Hà Nội [37]. Đồng thời, Sở phát triển mở rộng hệ thống quản lý dữ liệu ngành Du lịch và duy trì, cập nhật dữ liệu phần mềm cơ sở dữ liệu du lịch nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn; tăng cường sử dụng công nghệ thông tin trong công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh du lịch Thủ đô tới du khách nội địa và quốc tế.

Qua các nghiên cứu cho thấy, hiện nay ngành du lịch nhiều địa phương đã và đang tích cực thực hiện chuyển đổi số, từng bước xây dựng hệ thống tin số về du lịch, triển khai phần mềm tiện ích du lịch thông minh, tổ chức các ki-ốt du lịch hỗ trợ khách, cập nhật dữ liệu của ngành trên hệ thống chỉ đạo điều hành chung của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, nhiều địa phương vẫn tồn tại sự khác biệt về công nghệ số. Các khu vực có điều kiện tốt để chuyển đổi số trong du lịch hầu hết là ở các tỉnh, thành phố lớn. Hơn nữa, những hoạt động số hóa trong ngành còn diễn ra lẻ tẻ, rời rạc, chưa kết nối cơ sở dữ liệu. Bởi vậy quá trình quản lý, kiểm soát, báo cáo cũng như thống kê dữ liệu trong ngành gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra thiếu hụt dữ liệu do chưa cập nhật được đầy đủ toàn bộ số liệu, báo cáo, phân tích từ nhiều

nguồn khác nhau; nhiều địa phương chưa biết bắt đầu xây dựng bản đồ số du lịch từ đâu cũng chính là vật cản trên bước đường thành công của chuyển đổi số ngành du lịch. Do vậy, rất cần các nghiên cứu đầy đủ cả về lý luận, thực tiễn và phương pháp xây dựng quy trình nền tảng số du lịch đảm bảo đúng tiêu chí của du lịch bền vững.

13.2 Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Du lịch là một trong những ngành kinh tế có sự phát triển nhanh nhất trên thế giới, và nó đã trở thành một công cụ quan trọng cho sự phát triển kinh tế ở nhiều quốc gia đang phát triển. Tuy nhiên, cùng với những lợi ích kinh tế mà du lịch mang lại, ngành này cũng có thể gây ra những tác động tiêu cực đối với môi trường, xã hội và văn hóa nếu không được quản lý và phát triển một cách bền vững.

Tổ chức Du lịch Thế giới của Liên hiệp quốc (UNWTO), năm 2005, đã đưa ra định nghĩa: “Du lịch bền vững bao gồm tất cả các loại hình du lịch, cả du lịch quy mô lớn và những loại hình du lịch quy mô nhỏ. Nguyên tắc của sự bền vững trong du lịch là đề cập đến các yếu tố, khía cạnh về môi trường, kinh tế và văn hóa - xã hội của phát triển du lịch và sự cân bằng giữa 3 yếu tố này cần được thiết lập nhằm đảm bảo mục tiêu bền vững dài hạn” [38]. Trong đó, nền tảng số đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao trải nghiệm khách hàng, tối ưu hóa các hoạt động kinh doanh, và tạo cơ hội kết nối giữa du khách với các điểm đến du lịch. Việc xây dựng nền tảng số trong du lịch giúp gia tăng tính cạnh tranh, thu hút nhiều du khách trong và ngoài nước, đồng thời là yếu tố quan trọng mở ra nhiều hình thức du lịch mới như du lịch ảo, du lịch không tiếp xúc, góp phần giúp ngành này phát triển bền vững hơn trong tương lai.

Như vậy có thể thấy vai trò của bản đồ số du lịch có tiềm năng hỗ trợ các thực hành du lịch bền vững bằng cách cải thiện hiệu quả hoạt động, giảm thiểu chất thải và khí thải, và nâng cao trải nghiệm của du khách [39]. Với các tính năng làm nổi bật các lựa chọn du lịch bền vững và các địa danh văn hóa, bản đồ kỹ thuật số có thể thúc đẩy cách tiếp cận du lịch có trách nhiệm và tôn trọng hơn. Chúng khuyến khích chúng ta bước đi nhẹ nhàng và tham gia sâu sắc vào các nền văn hóa, thay đổi cơ bản vai trò của chúng ta từ khách du lịch thành du khách chu đáo.

Đối với các doanh nghiệp, bản đồ kỹ thuật số cung cấp một bức tranh cho khả năng hiển thị và sự tham gia của khách hàng. Mỗi quan hệ cộng sinh này giữa bản đồ kỹ thuật số và ngành du lịch tạo ra một hệ sinh thái năng động, nơi cả hai đều có thể phát triển mạnh mẽ - bản đồ thúc đẩy du lịch và du lịch cung cấp dữ liệu và trải nghiệm cho bản đồ.

Đối với các nhà hoạch định chính sách, bản đồ số du lịch cung cấp nền tảng cho việc xây dựng các chính sách thúc đẩy tích hợp công nghệ số một cách có trách nhiệm tại các điểm đến du lịch bền vững. Các nhà hoạch định chính sách có thể phát triển các hướng dẫn ưu tiên tính bền vững, bảo tồn văn hóa địa phương và giảm thiểu tác động môi trường từ các hoạt động du lịch. Ngoài ra, các nhà hoạch định chính sách có thể đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hợp tác giữa các nhà phát triển công nghệ, nhà điều hành du lịch, chính quyền địa phương và các tổ chức môi trường. Những hợp tác này khuyến khích các nỗ lực chung, hướng đến phát triển điểm đến bền vững, thúc đẩy các thực hành du lịch có trách nhiệm và nâng cao khả năng phục hồi của điểm đến.

Do đó, việc xây dựng quy trình thành lập bản đồ số du lịch thống nhất trên cả nước đã trở thành xu hướng không thể đảo ngược và là một phần tất yếu của ngành du lịch. Mục tiêu

của bản đồ số du lịch nhằm xây dựng một nền tảng số kết nối tất cả các hệ thống thông tin phục vụ hoạch định chính sách, điều hành, quản lý nhà nước nhằm nâng cao dịch vụ cho khách du lịch trong nước và quốc tế. Việt Nam cần có kế hoạch hành động số hóa các điểm đến du lịch và tài nguyên văn hóa. Tài nguyên phải được lưu trữ dưới dạng số, quản lý cẩn thận, phân tích nhanh chóng và phổ biến rộng rãi. Tất cả thông tin số hóa phải được tích hợp vào các trang web quốc gia và ứng dụng di động phục vụ mục đích quảng bá và quản lý du lịch. Trước khi hành trình du lịch của du khách bắt đầu, khách du lịch thường tham gia tìm kiếm thông tin liên quan đến điểm đến. Vì vậy, việc xây dựng và vận hành một bản đồ số du lịch sẽ cung cấp thông tin cho khách du lịch, đồng thời là kênh hỗ trợ, cung cấp cho khách hàng thông tin về mọi vấn đề liên quan một cách chuyên nghiệp, đa dạng là vô cùng cần thiết và cấp bách hiện nay.

Để xây dựng bản đồ số du lịch đề tài “Nghiên cứu quy trình xây dựng nền tảng bản đồ số du lịch để phát triển du lịch bền vững” hướng đến nội dung xây dựng hệ thống bản đồ số trên 2 nền tảng WebGIS và MobileGIS. Trong đó WebGIS cung cấp giao diện tương tác với hệ thống của người sử dụng như truy cập, tra cứu tìm kiếm thông tin, quản trị dữ liệu và hệ thống. MobileGIS tối ưu cung cấp khả năng truy cập bản đồ điện tử trên các thiết bị di động và hỗ trợ việc cập nhật, giám sát các địa điểm du lịch.

Nội dung đề tài nghiên cứu muốn hướng đến là xây dựng hệ thống bản đồ số du lịch gồm 3 nhóm đối tượng sử dụng: (1) nhóm quản trị có mục đích chính là quản lý địa điểm, dịch vụ, tiện ích phục vụ du lịch. ứng dụng bản đồ này cung cấp các chức năng cơ bản liên quan đến các nhiệm vụ cập nhật chỉnh sửa thông tin về các địa điểm du lịch, biên tập các thông tin, bài viết, tin tức, thông báo với mục đích cung cấp các thông tin du lịch nhanh nhất tới người sử dụng (lễ hội, ẩm thực, lưu trú, dịch vụ thuê xe, vv ...); (2) nhóm ứng dụng cung cấp tới người dùng là khách du lịch. Các ứng dụng có hai dạng: ứng dụng web (web app) và ứng dụng di động (mobile app); (3) nhóm hệ thống sử dụng hệ thống thông tin địa lý để xây dựng bản đồ số du lịch, đây là một hệ thống thông tin được thiết kế để thu thập, cập nhật lưu trữ, tích hợp và xử lý, tra cứu, phân tích và hiển thị mọi dạng dữ liệu địa lý.

Kết quả của nghiên cứu này sẽ là cơ sở khoa học để thực hiện mục tiêu “Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn là định hướng chiến lược quan trọng để phát triển đất nước” đúng như Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị [40]. Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 30/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025” [41]. Quyết định số 172/QĐ-BVHTTDL ngày 25/1/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch phát triển du lịch số giai đoạn 2021-2025 [42].

14 Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:

(Tên tác giả, nơi và năm công bố, công trình, NXB, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn)

1. Aynalem, Sintayehu, Kassegn Birhanu, and Sewent Tesefay. 2016. Employment Opportunities and Challenges in Tourism and Hospitality Sectors. *Journal of Tourism & Hospitality* 5: 1–5.
2. Fang, Bin, Qiang Ye, and Rob Law. 2016. Effect of Sharing Economy on Tourism Industry Employment. *Annals of Tourism Research* 57: 264–67.

3. Liu, Abby, and Geoffrey Wall. 2006. Planning Tourism Employment: A Developing Country Perspective. *Tourism Management* 27: 159–70.
4. Baloch, Qadar Bakhsh, Syed Naseeb Shah, Nadeem Iqbal, Muhammad Sheeraz, Muhammad Asadullah, Sourath Mahar, and Asia Umar Khan. 2023. Impact of Tourism Development upon Environmental Sustainability: A Suggested Framework for Sustainable Ecotourism. *Environmental Science and Pollution Research* 30: 5917–30.
5. Brokaj, Rezarta. 2014. Local Governments Role in the Sustainable Tourism Development of a Destination. *European Scientific Journal* 10: 31.
6. Mbaiwa, Joseph E. 2003. The Socio-Economic and Environmental Impacts of Tourism Development on the Okavango Delta, North-Western Botswana. *Journal of Arid Environments* 54: 447–67.
7. Sisneros-Kidd, Abigail M., Christopher Monz, Vera Hausner, Jennifer Schmidt, and Douglas Clark. 2019. Nature-Based Tourism, Resource Dependence, and Resilience of Arctic Communities: Framing Complex Issues in a Changing Environment. *Journal of Sustainable Tourism* 27: 1259–76.
8. Connell, Joanne, Stephen J. Page, and Tim Bentley. 2009. Towards Sustainable Tourism Planning in New Zealand: Monitoring Local Government Planning under the Resource Management Act. *Tourism Management* 30: 867–77.
9. Kauppila, Pekka, Jarkko Saarinen, and Riikka Leinonen. 2009. Sustainable Tourism Planning and Regional Development in Peripheries: A Nordic View. *Scandinavian Journal of Hospitality and Tourism* 9: 424–35.
10. Dunets, Alexandr Nikolaevich, Igor Borisovich Vakhrushev, Maria Gennadievna Sukhova, Maxim Sergeevich Sokolov, Kseniya Mihajlovna Utkina, and Rustem Adamovich Shichiyakh. 2019. Selection of Strategic Priorities for Sustainable Development of Tourism in a Mountain Region: Concentration of Tourist Infrastructure or Nature-Oriented Tourism. *Entrepreneurship and Sustainability Issues* 7: 1217.
11. Mawby, Rob I., Alina S. Tecău, Cristinel P. Constantin, Ioana B. Chițu, and Bianca Tescașiu. 2016. Addressing the Security Concerns of Locals and Visitors for the Sustainable Development of Tourist Destinations. *Sustainability* 8: 524.
12. Welford, Richard, and Bjarne Ytterhus. 2004. Sustainable Development and Tourism Destination Management: A Case Study of the Lillehammer Region, Norway. *The International Journal of Sustainable Development & World Ecology* 11: 410–22.
13. Y.F. Leung, A. Spenceley, G. Hvenegaard, R. Buckley (2018). Tourism and visitor management in protected areas: Guidelines for sustainability. Best Practice Protected Area Guidelines Series No. 27, IU
14. Polishchuk, Elizaveta, Zoltán Bujdosó, Youssef El Archi, Brahim Benbba, Kai Zhu, and Lóránt Dénes Dávid. 2023. The Theoretical Background of Virtual Reality and Its Implications for the Tourism Industry. *Sustainability* 15: 10534.
15. Boes, Kim, Dimitrios Buhalis, and Alessandro Inversini. 2016. Smart Tourism Destinations: Ecosystems for Tourism Destination Competitiveness. Edited by Lina Zhong and Chulmo Koo Ulrike Gretzel. *International Journal of Tourism Cities* 2: 108–24.
16. El Archi, Youssef, and Brahim Benbba. 2023b. Role of Virtual Reality in Tourism

- Destination Marketing: Evidence from Morocco. In *ISCONTOUR 2023 Tourism Research Perspectives: Proceedings of the International Student Conference in Tourism Research*. Norderstedt: BoD-Books on Demand, p. 28.
17. Xu, Feifei, Nicholas Nash, and Lorraine Whitmarsh. 2020. Big Data or Small Data? A Methodological Review of Sustainable Tourism. *Journal of Sustainable Tourism* 28: 144–63.
 18. Hays, Stephanie, Stephen John Page, and Dimitrios Buhalis. 2013. Social Media as a Destination Marketing Tool: Its Use by National Tourism Organisations. *Current Issues in Tourism* 16: 211–39.
 19. Leung, Daniel, Rob Law, Hubert Van Hoof, and Dimitrios Buhalis. 2013. Social Media in Tourism and Hospitality: A Literature Review. *Journal of Travel & Tourism Marketing* 30: 3–22.
 20. Pencarelli, Tonino. 2020. The Digital Revolution in the Travel and Tourism Industry. *Information Technology & Tourism* 22: 455–76.
 21. Sigala, Marianna, Evangelos Christou, and Ulrike Gretzel. 2012. Social Media in Travel, Tourism and Hospitality: Theory, Practice and Cases. Farnham: Ashgate Publishing, Ltd.
 22. Xiang, Zheng, and Ulrike Gretzel. 2010. Role of Social Media in Online Travel Information Search. *Tourism Management* 31: 179–88.
 23. Dwyer, Larry, Deborah Edwards, Nina Mistilis, Carolina Roman, and Noel Scott. 2009. Destination and Enterprise Management for a Tourism Future. *Tourism Management* 30: 63–74.
 24. IntoJapan (2024), How to use this map. Được truy cập từ <https://intojapan.co.uk/japan-map/>.
 25. Ying, L., Ziyi, Q., Shizhuan, H., Yan, L., & Tongqian, Z. (2024). The development of digital tourism in China. *Cogent Social Sciences*, 10(1)
 26. Tourism Care (2024), Tourism Cares Meaningful Travel Map. Được truy cập từ <https://www.tourismcares.org/meaningful-map>.
 27. Lê Chung (2022), "Bản đồ số" du lịch hỗ trợ khách tham quan Hoàng cung Huế. Được truy cập từ <https://baochinhphu.vn/ban-do-so-du-lich-ho-tro-khach-tham-quan-hoang-cung-hue-10222040511173364.htm>.
 28. Trung tâm thông tin (2008), CD-ROM “Niên giám du lịch Việt Nam 2008”. Được truy cập từ <https://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/2439>.
 29. Trần Quốc Vương (2006), Nghiên cứu WebGIS phục vụ du lịch. Luận văn thạc sĩ Hệ thống thông tin địa lý, Đại học Bách Khoa TP. Hồ Chí Minh.
 30. Trần Quốc Bảo (2008), Tìm hiểu về chuẩn OGC (Open Geospatial Consortium) và ứng dụng để đưa dữ liệu du lịch của Thành phố Hồ Chí Minh lên WebGIS. Luận văn tốt nghiệp kỹ sư Công nghệ thông tin, Đại học Khoa học Tự nhiên TP. Hồ Chí Minh.
 31. Nguyễn Quang Tuấn, Hà Văn Hành, Trương Đình Trọng, Lê Thái Sơn (2010), Ứng dụng công nghệ WebGIS để xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ khai thác tiềm năng du lịch bền vững ở tỉnh Quảng Trị. Kỷ yếu Hội thảo Ứng dụng GIS toàn quốc 2010.
 32. Đoàn Thị Xuân Hương (2011). Ứng dụng công nghệ WebGIS trong quản lý CSDL du lịch. Hội thảo Ứng dụng GIS toàn quốc 2011, tr. 183-194.
 33. Trần Viết Khánh (2016), Đề tài “Nghiên cứu ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS)

- xây dựng bản đồ trực tuyến quản lý không gian du lịch Hà Giang”. Năm thực hiện: 2014-2016, Đại học Thái Nguyên chủ trì.
34. Nguyễn Cẩm Vân (2014), Báo cáo tổng kết đề tài “Xây dựng bản đồ du lịch điện tử Thành phố Hải Phòng”. Viện Địa lý.
35. Nguyễn Mạnh Hà (2015), Báo cáo tổng kết đề tài “Ứng dụng công nghệ GIS và WebGIS để xây dựng bản đồ du lịch điện tử tỉnh Thái Bình”. Năm thực hiện: 2013-2015. Viện Địa lý chủ trì.
36. Đào Thị Lưu (2019), Báo cáo tổng kết đề tài “Xây dựng bản đồ du lịch điện tử tỉnh Ninh Bình” (2017-2019). Viện Địa lý chủ trì.
37. Sở Du lịch Hà Nội (2024), Hà Nội sẽ xây dựng hệ thống bản đồ số du lịch thông minh. Được truy cập từ <https://sodulich.hanoi.gov.vn/tin-tuc-su-kien/tin-tuc-du-lich-ha-noi/ha-noi-se-xay-dung-he-thong-ban-do-so-du-lich-thong-minh.html>.
38. Ngô Thị Diệu An (2014). Giáo trình Tổng quan du lịch, NXB Đà Nẵng.
39. Pan, Shu-Yuan, Mengyao Gao, Hyunook Kim, Kinjal J. Shah, Si-Lu Pei, and Pen-Chi Chiang. 2018. Advances and Challenges in Sustainable Tourism toward a Green Economy. *Science of The Total Environment* 635: 452–69.
40. Ban Chấp hành Trung ương (2017), Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về việc “Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn”.
41. Thủ tướng Chính phủ (2018). Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 30/11/2018 phê duyệt “Đề án tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025”.
42. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2022), Quyết định số 172/QĐ-BVHTTDL ngày 25/1/2022 của Bộ trưởng ban hành Kế hoạch phát triển du lịch số giai đoạn 2021-2025.

15 Nội dung nghiên cứu của đề tài:

(Xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logic, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra; ghi rõ các chuyên đề nghiên cứu cần thực hiện trong từng nội dung, yêu cầu trình bày chi tiết. Trong phần này cũng cần có bố cục chương mục dự kiến của đề tài)

Những nội dung nghiên cứu chính của đề tài

Nội dung 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng bản đồ số du lịch

Công việc 1: Các khái niệm liên quan đến đề tài

Công việc 2: Khái quát về bản đồ số du lịch và xu hướng phát triển du lịch bền vững dựa trên nền tảng bản đồ số

Công việc 3: Tình hình xây dựng và ứng dụng bản đồ du lịch ở các địa phương hiện nay

Công việc 4: Việc xây dựng bản đồ số của các nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Công việc 5: Bản đồ số du lịch và vai trò trong phát triển du lịch bền vững

Nội dung 2: Thực trạng và quy trình thành lập hệ thống bản đồ số ứng dụng trong phát triển du lịch bền vững.

Công việc 1: Thực trạng phát triển và phương pháp thành lập bản đồ số ở Việt Nam

Công việc 2: Các nội dung của bản đồ số du lịch

Công việc 3: Quy trình xây dựng bản đồ số về vị trí địa lý du lịch

Công việc 4: Quy trình xây dựng bản đồ số về tài nguyên du lịch tự nhiên

Công việc 5: Quy trình xây dựng bản đồ số về tài nguyên du lịch văn hóa

Công việc 6: Quy trình xây dựng bản đồ số về cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

Công việc 7: Bản đồ số du lịch: Nội dung cơ bản và quy trình xây dựng

Nội dung 3: Xây dựng thử nghiệm bản đồ số du lịch cho một khu vực tại tỉnh Ninh Bình

Công việc 1: Phân tích chức năng và thiết kế phần mềm hệ thống

Công việc 2: Lập trình mã nguồn và web để thành lập bản đồ số du lịch cho 1 khu vực thử nghiệm

Công việc 3: Tổng hợp, chuẩn hóa thông tin dữ liệu và cập nhật dữ liệu lên hệ thống

Công việc 4: Kiểm thử và báo cáo

Nội dung 4: Định hướng và giải pháp nhân rộng bản đồ số du lịch tại Việt Nam

Công việc 1: Căn cứ và định hướng phát triển du lịch ở Việt Nam

Công việc 2: Giải pháp nâng cao nhận thức tăng cường việc áp dụng và nhân rộng bản đồ số du lịch

Công việc 3: Giải pháp về mặt cơ chế chính sách quản lý và khuyến khích việc hỗ trợ áp dụng

Công việc 4: Giải pháp nhân lực, tổ chức và tài chính

Công việc 5: Giải pháp công nghệ thông tin và truyền thông

16 Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề tài:

(Giải trình các hoạt động cần thiết phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài: Suru tầm, tham khảo tài liệu; Hội thảo khoa học; Khảo sát điều tra...)

- **Sưu tầm và dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu:** Các tài liệu (bài báo, đề tài, dự án...) liên quan đến nội dung nghiên cứu của đề tài như: các trang web giới thiệu về bản đồ du lịch của các tỉnh, các tài liệu liên quan đến thiết kế xây dựng bản đồ số du lịch, hiện trạng ngành du lịch Việt Nam, các tài liệu liên quan đến phát triển du lịch bền vững. Các tài liệu ở nước ngoài, các tổ chức phi chính phủ đã có những nghiên cứu đến việc xây dựng bản đồ số trong ngành du lịch.

- **Hội thảo khoa học:** Tổ chức 01 hội thảo khoảng 50 đại biểu nhằm xin ý kiến các chuyên gia trong lĩnh vực quản lý du lịch, trải nghiệm du lịch, bản đồ, ... nhằm đánh giá tầm quan trọng của bản đồ số du lịch trong phát triển du lịch bền vững

- **Khảo sát, điều tra thực tế trong nước:** Đề tài tiến hành khảo sát 02 đợt tại Ninh Bình. Mục đích khảo sát điều tra: thu thập tài liệu, dữ liệu về du lịch Ninh Bình; định vị chính xác các điểm du lịch; thực hiện quay video, chụp ảnh các khu, điểm du lịch để xây dựng quy trình thành lập bản đồ số du lịch nhằm phát triển du lịch bền vững tại một khu vực của tỉnh Ninh Bình.

17 Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)

17.1. Cách tiếp cận (luận cứ rõ việc lựa chọn cách tiếp cận phù hợp với đối tượng nghiên cứu để đạt mục tiêu đặt ra):

- *Tiếp cận hệ thống*: Khi xem xét, nghiên cứu về du lịch cần phải nghiên cứu toàn diện, nhiều mặt của vấn đề. Từ các tài nguyên du lịch đến hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch cũng như đặc trưng của từng khu, điểm du lịch đến xây dựng cơ sở dữ liệu, lựa chọn phần mềm,... đều được biên tập, thiết kế theo hệ thống tổ chức nội dung và cấu trúc bản đồ một cách khoa học và hợp lý.

- *Tiếp cận đa ngành, đa lĩnh vực*: Du lịch là một ngành dịch vụ liên quan đến tất cả các lĩnh vực kinh tế xã hội và nhân văn. Khi phản ánh các nội dung về du lịch cần chọn lựa các lớp thông tin các đối tượng phản ánh được mối quan hệ đa ngành của du lịch và sự liên quan đến nhau của các lĩnh vực kinh tế khác.

17.2. Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

+ Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp kế thừa*: Việc kế thừa các kinh nghiệm nghiên cứu trên thế giới và trong nước là rất cần thiết để xây dựng phương pháp luận vận dụng vào các nội dung nghiên cứu của đề tài. Đồng thời, đề tài sẽ tổng hợp và kế thừa các kết quả nghiên cứu của các tác giả trên thế giới và ở trong nước đã thực hiện liên quan đến các nội dung nghiên cứu chính của đề tài. Kế thừa các tài liệu, số liệu, dữ liệu đã có về du lịch Ninh Bình, các tư liệu ảnh vệ tinh, các bản đồ chuyên đề có liên quan như bản đồ rừng, giao thông,...

- *Phương pháp điều tra khảo sát thực địa*: Thu thập tài liệu, dữ liệu về du lịch Ninh Bình; định vị chính xác các điểm du lịch; thực hiện quay video, chụp ảnh các khu, điểm du lịch để xây dựng quy trình thành lập bản đồ số du lịch nhằm phát triển du lịch bền vững tại một khu vực của tỉnh Ninh Bình.

- *Phương pháp bản đồ và GIS*: Đây là một trong những phương pháp hiện đại hiện được áp dụng trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác nhau. Phương pháp này được áp dụng để xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu số và xây dựng các lớp thông tin cho bản đồ du lịch tỉnh Ninh Bình.

- *Phương pháp viễn thám*: Đây là phương pháp sử dụng ảnh viễn thám để cập nhật chính xác vị trí các vùng du lịch tự nhiên như đất ngập nước, rừng đặc dụng,...

- *Phương pháp chuyên gia*: Nội dung của đề tài có liên quan đến một số lĩnh vực chuyên sâu khác đòi hỏi phải có sự cộng tác của các chuyên gia các chuyên ngành liên quan đặc biệt là các chuyên gia lập trình, chuyên gia GIS, và chuyên gia địa lý du lịch. Thông qua các Hội thảo khoa học lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia về cách nghiên cứu, tiếp cận, thiết kế phần mềm sử dụng.

+ Kỹ thuật sử dụng

- Kỹ thuật bản đồ và công nghệ GIS để thành lập bản đồ số.

- Kỹ thuật viễn thám: Sử dụng tư liệu viễn thám cập nhật thông tin theo yêu cầu.

- Kỹ thuật lập trình, xây dựng bản đồ du lịch điện tử bằng công nghệ Multimedia và các phần mềm thiết kế web.

18	Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước: Phối hợp với một số Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh/thành phố để nghiên cứu, trao đổi, tọa đàm, hội thảo về bản đồ số du lịch trong phát triển du lịch bền vững Phối hợp với Trung tâm hỗ trợ phát triển Khoa học kỹ thuật, Trường Đại học Mở - Địa Chất trong việc khảo sát và lựa chọn giải pháp công nghệ tối ưu cho việc phát triển nền tảng bản đồ số du lịch.				
19	Phương án hợp tác quốc tế: (nếu có) (Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)				
20	Kế hoạch thực hiện:				
	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện	Dự kiến kinh phí
Năm 2025					
1	Nghiên cứu tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài	Nghiên cứu tổng quan, xây dựng thuyết minh nhiệm vụ	Tháng 1/2025 - 3/2025	Chủ nhiệm và thư ký đề tài	
2	Thu thập thông tin, sưu tầm, dịch thuật các tài liệu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài	Thu thập, xử lý, phân tích thông tin, số liệu	Tháng 2/2025 - 10/2025	Chủ nhiệm và thành viên đề tài	
3	Khảo sát, đánh giá thực trạng xây dựng và ứng dụng bản đồ số du lịch tại Ninh Bình	Báo cáo thực trạng	Tháng 4/2025 – 8/2025	Chủ nhiệm và thành viên đề tài	
4	Phân tích, xử lý số liệu điều tra, khảo sát	Báo cáo kết quả điều tra	Tháng 9/2025	Chủ nhiệm và thành viên đề tài	
5	Tổ chức Hội thảo khoa học	Kỷ yếu Hội thảo	Tháng 9/2025-10/2025	Chủ nhiệm và thành viên đề tài	
6	Xây dựng nội dung nghiên cứu chuyên môn 1,2,3	Báo cáo kết quả nghiên cứu	Tháng 4/2025-10/2025	Chủ nhiệm và thành viên đề tài	
Năm 2026					
7	Khảo sát lần 2 tại Ninh Bình để đánh giá, hoàn thiện sản phẩm	Báo cáo thực trạng	Tháng 1/2026 - 8/2026	Chủ nhiệm và thành viên đề tài	

8	Phân tích, xử lý số liệu điều tra, khảo sát	Báo cáo kết quả điều tra	Tháng 9/2026 - 10/2026	Chủ nhiệm và thành viên đề tài	
9	Xây dựng nội dung nghiên cứu chuyên môn 3,4	Báo cáo kết quả nghiên cứu	Tháng 1/2026 - 8/2026	Chủ nhiệm và thành viên đề tài	
10	Viết 02 bài báo khoa học liên quan đến nội dung đề tài	Bài báo được phản biện và chấp nhận đăng	Tháng 1/2026 - 8/2026	Chủ nhiệm, Thư ký đề tài	
11	Hoàn thiện báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt	Báo cáo	Tháng 8/2026 - 10/2026	Chủ nhiệm và thành viên đề tài	
12	Chạy bản demo	Sản phẩm kiểm thử	Tháng 9/2026	Chủ nhiệm và thành viên đề tài	
13	Nghiệm thu cấp cơ sở		Tháng 10/2026	Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam	
14	Chỉnh sửa các báo cáo sau hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở	Báo cáo	Tháng 10/2026 - 11/2026	Chủ nhiệm và thành viên đề tài	
15	Nghiệm thu Đề tài cấp Bộ	Hội đồng hợp, Biên bản hợp HĐ	Tháng 11/2026	Bộ VHTTDL	
16	Hoàn thiện các báo cáo, sản phẩm, quyết định công nhận kết quả nghiên cứu, thanh lý hợp đồng	Các sản phẩm	Tháng 12/2026	Chủ nhiệm đề tài	

III. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ TÀI

21	Sản phẩm chính của Đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt: (liệt kê theo dạng sản phẩm)		
21.1	Dạng I: Báo cáo khoa học (báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); kết quả dự báo; mô hình; quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác.		
TT	Tên sản phẩm (ghi rõ tên từng sản phẩm)	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
1	Báo cáo tổng hợp đề tài	Đáp ứng những yêu cầu về mục tiêu đặt ra; nội dung các báo cáo cần làm rõ một số vấn đề cơ bản sau:	

		<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống hóa được các vấn đề lý luận về số hóa trong du lịch, phát triển du lịch bền vững bản đồ số du lịch và ứng dụng trong quản lý và phát triển du lịch theo hướng bền vững. - Làm rõ được kinh nghiệm về việc xây dựng và ứng dụng bản đồ số trong ngành du lịch của một số quốc gia trên thế giới. - Đánh giá được hiện trạng tình hình ứng dụng bản đồ số trong ngành du lịch ở Việt Nam. - Đề xuất được quy trình thành lập bản đồ số du lịch trong phát triển du lịch bền vững. 	
2	Báo cáo tóm tắt đề tài	Tóm tắt những nội dung chính, quan trọng	
3	Các báo cáo chuyên đề	Khoa học, chính xác và khả thi, đảm bảo yêu cầu nội dung chuyên đề	
4	Báo cáo kết quả khảo sát	Số liệu thu thập có tính chính thống, độ tin cậy cao	
5	Báo cáo quy trình thành lập bản đồ số du lịch	Sơ đồ quy trình và các bước giải thích quy trình	

21.2 Dạng II: Bài báo; Sách chuyên khảo; tài liệu phục vụ giảng dạy và các sản phẩm khác

TT	Tên sản phẩm (ghi rõ tên từng sản phẩm)	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú
	Bản demo bản đồ số du lịch tại khu thử nghiệm	Đảm bảo ổn định, thông tin chính xác...	Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam	

22 Lợi ích của đề tài và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:

22.1 Lợi ích của đề tài:

+ **Đối với việc xây dựng đường lối chính sách:** Có thể là công cụ hữu ích cho các nhà hoạch định chính sách trong quy hoạch phát triển du lịch, cần có những cái đánh giá về tài nguyên du lịch có thể phát triển và các vấn đề liên quan để từ đó có thể đưa ra được những kế hoạch phát triển nhằm tối ưu về hiệu quả kinh tế, đồng thời giảm thiểu tối đa các tác động đến môi trường và xã hội nhằm đảm bảo phát triển bền vững.

+ **Đối với phát triển kinh tế xã hội:** Đề tài thành công từng bước sẽ được nhân rộng ứng dụng rộng rãi trong cả nước, đồng thời các giải pháp của đề tài đưa ra hoạt động tốt sẽ góp phần hỗ trợ tích cực các địa phương, các khu du lịch, điểm du lịch, các doanh nghiệp... gặp khó khăn trong việc ứng dụng công nghệ cho phát triển du lịch bền vững.

+ **Đối với nơi ứng dụng kết quả nghiên cứu:** Nơi trực tiếp ứng dụng kết quả nghiên cứu là Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, các Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các doanh nghiệp du lịch, các nhà nghiên cứu, các nhà đầu tư; có một nguồn thông tin đa dạng khi khai thác, ứng dụng bản đồ số trong phát triển du lịch bền vững.

+ **Đối với phát triển lĩnh vực khoa học có liên quan:** Làm phong phú thêm cơ sở lý luận, khai thác lợi ích tối đa việc ứng dụng bản đồ số. Tạo được một cơ sở dữ liệu mở phong phú, đa dạng, phục vụ cho nhiều ngành, lĩnh vực liên quan.

22.2 Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:

Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ được đăng ký bản quyền và chuyển giao qua hình thức đăng tải trên các website của Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam nhằm phổ biến rộng rãi đến các đơn vị trong và ngoài Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở Du lịch, sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên toàn quốc, các hiệp hội du lịch, lữ hành, khách sạn, các nhà đầu tư, doanh nghiệp nghiên cứu, tham khảo; đặc biệt là tới khách du lịch có nhu cầu tìm kiếm thông tin cho chuyến du lịch của mình.

22.3. Dự kiến các tổ chức, cơ quan, đơn vị trong và ngoài Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp nhận kết quả nghiên cứu

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam: Cập nhật, bổ sung kiến thức cần thiết cho các cán bộ chuyên môn trong việc ứng dụng công nghệ trong nghiên cứu, phát triển du lịch bền vững.

- Các Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Sử dụng trong việc quy hoạch du lịch tại địa phương, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch chuyển đổi số, số hóa các tài nguyên du lịch một cách đồng bộ, thống nhất, hiệu quả.

- Các cơ quan quản lý khu, điểm du lịch tại địa phương: Có cơ sở để lên kế hoạch số hóa điểm du lịch do mình quản lý. Chủ động tập huấn cho nhân viên sử dụng bản đồ số du lịch nhằm tối đa hóa lợi ích mà bản đồ số mang lại.

- Các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp có thể sử dụng làm nguồn thông tin nghiên cứu, học tập và trao đổi cho các nghiên cứu sinh, học viên Cao học, sinh viên,...

IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: nghìn đồng

23	Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi:						
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
			Trả công lao động khoa học, phổ thông	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Thuê chuyên gia	Chi khác
	Tổng kinh phí	500.000	334.369	0	0	0	165.631
	<i>Trong đó:</i>						
1	Ngân sách SNKH:	500.000		0	0		
	- Năm thứ nhất:	300.000	199.864	0	0		100.136
	- Năm thứ hai:	200.000	134.505	0	0	0	65.495
2	Nguồn khác (vốn huy động, ...)	0	0	0	0	0	0

Ngày 08 tháng 01 năm 2025

CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

(Họ tên và chữ ký)

Nguyễn Duy Minh

Ngày 10 tháng 01 năm 2025

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI

(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Hoàng Quốc Hòa

Ngày 10 tháng 01 năm 2025

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

TL. BỘ TRƯỞNG

VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC,

CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

(Họ tên, chữ ký và đóng dấu khi phê duyệt)



Phụ lục Thuyết minh đề tài
DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

Đề tài: Nghiên cứu quy trình xây dựng nền tảng bản đồ số du lịch để phát triển du lịch bền vững

Khoản I: Dự toán tiền công lao động trực tiếp

STT	Nội dung công việc	Người thực hiện	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Kinh phí	
						Tổng số	Năm 2025 Năm 2026
I	Thù lao Chủ nhiệm và Thư ký (Xây dựng thuyết minh, đề cương, dự toán nhiệm vụ; Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu trong nước và nước ngoài; báo cáo xử lý, phân tích thông tin, số liệu...)					14.560.000	
I.1	Chủ nhiệm nhiệm vụ ($TL_{cn}=1,0 \times DM_{cn} \times 20\% \times 2T$)		1	1	0,4	11.200.000	11.200.000
I.2	Thư ký nhiệm vụ ($TL_{tk}=0,3 \times DM_{cn} \times 20\% \times 2T$)		0,3	1	0,4	3.360.000	3.360.000
II	Nội dung nghiên cứu chuyên môn					285.089.000	185.304.000 99.785.000
2.1	Nhóm nội dung nghiên cứu 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng bản đồ số du lịch					66.180.000	66.180.000
2.1.1	Công việc 1 -Các khái niệm liên quan đến đề tài	CN. Nguyễn Duy Minh Chủ nhiệm đề tài	0,8	1	0,6	13.236.000	13.236.000

2.1.2	Công việc 2 - Khái quát về bản đồ số du lịch và xu hướng phát triển du lịch bền vững dựa trên nền tảng bản đồ số	CN. Đinh Thị Phương Mai Thư ký đề tài	0,8	1	0,6	13.236.000	13.236.000	
2.1.3	Công việc 3 - Tình hình xây dựng và ứng dụng bản đồ du lịch ở các địa phương hiện nay	CN. Nguyễn Văn Minh Thành viên chính	0,8	1	0,6	13.236.000	13.236.000	
2.1.4	Công việc 4 - Việc xây dựng bản đồ số của các nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	CN. Nguyễn Thành Nam Thành viên chính	0,8	1	0,6	13.236.000	13.236.000	
2.1.5	Công việc 5 - Bản đồ số du lịch và vai trò trong phát triển du lịch bền vững	ThS. Nguyễn Đạo Dũng Thành viên chính	0,8	1	0,6	13.236.000	13.236.000	
2.2	Nhóm nội dung nghiên cứu 2: Thực trạng và quy trình thành lập hệ thống bản đồ số ứng dụng trong phát triển du lịch bền vững						92.652.000	
2.2.1	Công việc 1 - Thực trạng phát triển và phương pháp thành lập bản đồ số ở Việt Nam	CN. Đinh Thị Phương Mai Thư ký đề tài	0,8	1	0,6	13.236.000	13.236.000	
2.2.2	Công việc 2 - Các nội dung của bản đồ số du lịch	TS. Trần Thanh Hà Thành viên chính	0,8	1	0,6	13.236.000	13.236.000	

2.2.3	Công việc 3 - Quy trình xây dựng bản đồ số về vị trí địa lý du lịch	TS. Trần Thị Hòa Thành viên chính	0,8	1	0,6	13.236.000	13.236.000	
2.2.4	Công việc 4 - Quy trình xây dựng bản đồ số về tài nguyên du lịch tự nhiên	ThS. Đinh Bảo Ngọc Thành viên	0,4	1	1,2	13.236.000	13.236.000	
2.2.5	Công việc 5 - Quy trình xây dựng bản đồ số về tài nguyên du lịch văn hóa	ThS. Trần Trường Giang Thành viên	0,8	1	0,6	13.236.000	13.236.000	
2.2.6	Công việc 6 - Quy trình xây dựng bản đồ số về cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch	TS. Trần Thanh Hà Thành viên chính	0,8	1	0,6	13.236.000	13.236.000	
2.2.7	Công việc 7 - Bản đồ số du lịch: Nội dung cơ bản và quy trình xây dựng	CN. Nguyễn Duy Minh Chủ nhiệm đề tài	0,8	1	0,6	13.236.000	13.236.000	
2.3	Nội dung nghiên cứu 3: Xây dựng thử nghiệm bản đồ số du lịch cho một khu vực tại tỉnh Ninh Bình							28.510.000
2.3.1	Công việc 1 - Phân tích chức năng và thiết kế phần mềm hệ thống	ThS. Trần Trường Giang Thành viên	0,4	1	1,2	13.236.000	13.236.000	
2.3.2	Công việc 2 - Lập trình mã nguồn và web để thành lập bản đồ số du lịch cho 1 khu vực thử nghiệm	TS. Trần Thị Hòa Thành viên chính	0,8	1	0,6	13.236.000	13.236.000	

2.3.3	Công việc 3 - Tổng hợp, chuẩn hóa thông tin dữ liệu và cập nhật dữ liệu lên hệ thống	CN. Nguyễn Thành Nam Thành viên chính	0,8	1	0,6	14.255.000	14.255.000
2.3.4	Công việc 4 - Kiểm thử và báo cáo	TS. Trần Thanh Hà Thành viên chính	0,8	1	0,6	14.255.000	14.255.000
2.4	Nhóm nội dung nghiên cứu 4: Định hướng và giải pháp nhân rộng bản đồ số du lịch tại Việt Nam					71.275.000	71.275.000
2.4.1	Công việc 1 - Căn cứ và định hướng phát triển du lịch ở Việt Nam	CN. Nguyễn Duy Minh Chủ nhiệm đề tài	0,8	1	0,6	14.255.000	14.255.000
2.4.2	Công việc 2 - Giải pháp nâng cao nhận thức tăng cường việc áp dụng và nhân rộng bản đồ số du lịch	CN. Đinh Thị Phương Mai Thư ký đề tài	0,8	1	0,6	14.255.000	14.255.000
2.4.3	Công việc 3 - Giải pháp về mặt cơ chế chính sách quản lý và khuyến khích việc hỗ trợ áp dụng	ThS. Nguyễn Đạo Dũng Thành viên chính	0,8	1	0,6	14.255.000	14.255.000
2.4.4	Công việc 4 - Giải pháp nhân lực, tổ chức và tài chính	CN. Hoàng Quốc Hòa Thành viên chính	0,8	1	0,6	14.255.000	14.255.000
2.4.5	Công việc 5 - Giải pháp công nghệ thông tin và truyền thông	CN. Nguyễn Thành Nam Thành viên chính	0,8	1	0,6	14.255.000	14.255.000

III	Thù lao Chủ nhiệm và Thư ký (xây dựng báo cáo tổng kết)						34.720.000	34.720.000	34.720.000
	3.1	Xây dựng báo cáo tóm tắt đề tài (TLtk=0,3 x DMcn x 20% x 4T)	Thư ký nhiệm vụ	0,3	1	0,8			
	3.2	Xây dựng báo cáo khoa học tổng hợp đề tài (TLcn=1,0 x DMcn x 20% x 5T)	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1,0	1	1	28.000.000	28.000.000	28.000.000
	Tổng cộng I:						334.369.000	199.864.000	134.505.000

Khoản II. Chi khác

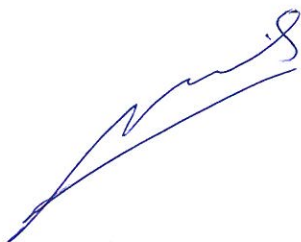
Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung công việc	Người thực hiện	Tổng số	Kinh phí năm 2025	Kinh phí năm 2026	Ghi chú
1	Khảo sát thực tế tại Ninh Bình (Đợt 1) (6 người x 5 ngày, 4 đêm)	Chủ nhiệm và các thành viên tham gia đề tài	27.800.000	27.800.000		
	Thuê phương tiện đi lại và đi khảo sát tại Ninh Bình (xe ô tô 7 chỗ: 2.200.000đ/ngày x 5 ngày)		11.000.000	11.000.000		Hợp đồng, hóa đơn
	Phụ cấp lưu trú (6 người x 5 ngày x 200.000đ/người/ngày)		6.000.000	6.000.000		TT40/2017/TT-BTC
	Thuê phòng nghỉ (6 người x 4 đêm x 450.000đ/người/đêm)		10.800.000	10.800.000		
2	Khảo sát thực tế tại Ninh Bình (Đợt 2) (7 người x 5 ngày, 4 đêm)	Chủ nhiệm và các thành viên tham gia đề tài	30.600.000		30.600.000	
	Thuê phương tiện đi lại và đi khảo sát tại Ninh Bình (xe ô tô 7 chỗ: 2.200.000đ/ngày x 5 ngày)		11.000.000		11.000.000	Hợp đồng, hóa đơn
	Phụ cấp lưu trú (7 người x 5 ngày x 200.000đ/người/ngày)		7.000.000		7.000.000	TT40/2017/TT-BTC
	Thuê phòng nghỉ (7 người x 4 đêm x 450.000đ/người/đêm)		12.600.000		12.600.000	
3	Hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu		55.350.000	55.350.000		QĐ 1233/2023/QĐ-BVHTTDL

	Chủ trì (1 người x 1.400.000đ x 1 buổi)		1.400.000	1.400.000		
	Thư ký (1 người x 350.000đ x 1 buổi)		350.000	350.000		
	Báo cáo trình bày tại Hội thảo (2.100.000đ/bài x 5 bài)		10.500.000	10.500.000		
	Báo cáo khoa học đặt hàng (1.000.000đ/bài x 10 bài)		10.000.000	10.000.000		
	Thành viên tham gia hội thảo (48 người x 200.000đ x 1 buổi)		9.600.000	9.600.000		
	Nước uống cho đại biểu (20.000đ/ người/buổi x 50 người)		1.000.000	1.000.000		
	Tài liệu phục vụ hội thảo (in tài liệu + kỷ yếu hội thảo 50 bộ x 150.000 đồng/bộ)		7.500.000	7.500.000		
	Thuê phòng hội thảo (bao gồm tiền thuê hội trường, hoa trang trí, backdrop, máy chiếu/màn led,...)		15.000.000	15.000.000		Hợp đồng, hóa đơn
4	Hợp hội đồng tự đánh giá đề tài NCKH ở cơ sở		13.400.000	13.400.000		QĐ 1233/2 023/Q Đ-BVHT TDL
	Chủ tịch hội đồng (01 người x 750.000đ/ người)		900.000		900.000	
	Thành viên hội đồng (08 người x 500.000đ/ người)		6.000.000		6.000.000	
	Thư ký (01 người x 150.000đ/người)		200.000		200.000	
	Thành viên tham gia họp (15 người x 100.000/người)		1.000.000		1.000.000	
	Nhận xét của Ủy viên Hội đồng (7 bài x 250.000đ/ bài)		2.450.000		2.450.000	
	Nhận xét của Ủy viên phản biện trong Hội đồng (5 bài x 350.000đ/ bài)		2.500.000		2.500.000	

	Nước uống cho đại biểu tham dự họp và Hội đồng (20.000đ/người x 25 người)		400.000		400.000	
	Xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng(01 kỹ thuật viên x 500.000 đ)		500.000		500.000	
	Văn phòng phẩm, Phô tô tài liệu họp (25 bộ x 100.000đ/bộ)		2.500.000		2.500.000	
5	Photo tài liệu, văn phòng phẩm, chuyển phát nhanh...		10.481.000	2.986.000	7.495.000	Hóa đơn
6	Quản lý chung nhiệm vụ (5%)		25.000.000	12.500.000	12.500.000	
	<i>Tổng cộng I</i>		<i>334.369.000</i>	<i>199.864.000</i>	<i>134.505.000</i>	
	<i>Tổng cộng II</i>		<i>165.631.000</i>	<i>100.136.000</i>	<i>65.495.000</i>	
	Tổng cộng (I+II)		500.000.000	300.000.000	200.000.000	

CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Duy Minh

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
(Ký tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Hoàng Quốc Hòa

**TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA TỔ
CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CẤP BỘ**

1. Tên tổ chức: Trung tâm Thông tin du lịch-Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam

Năm thành lập: 1995

Địa chỉ: Số 33 ngõ 294/2 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Website: <https://titc.vn/>

Điện thoại: (024) 39437072

Fax: (024) 38263956

E-mail: titc@vietnamtourism.gov.vn

2. Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động KH&CN hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến nhiệm vụ KH&CN.

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-CDLQGVN ngày 03/7/2023 của Cục trưởng Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Thông tin du lịch, Trung tâm tập trung thực hiện các chức năng, nhiệm vụ sau:.

- Thực hiện chức năng thông tin, truyền thông: Tăng cường truyền thông trên các nền tảng số hỗ trợ phát triển du lịch như website, mạng xã hội, ứng dụng du lịch thông minh..., truyền tải thông tin chính xác và kịp thời về những chủ trương, chính sách, hoạt động quản lý, xúc tiến quảng bá của Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam; Nâng cao hiệu quả truyền thông trên cơ sở áp dụng các tiện ích công nghệ mới.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số: Phát triển các nền tảng cốt lõi ở tầm quốc gia như nền tảng Quản trị và Kinh doanh du lịch; Hình thành hệ sinh thái du lịch thông minh, gắn kết các chủ thể trong ngành như khách du lịch, doanh nghiệp, cơ quan quản lý; Đồng hành, hỗ trợ các địa phương, khu, điểm du lịch triển khai chuyển đổi số, đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý, kinh doanh du lịch.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến, quảng bá, thống kê du lịch: Tổ chức, phối hợp hoặc tham gia các hội nghị, hội thảo, triển lãm... về xúc tiến, quảng bá và thống kê trong ngành du lịch; Nghiên cứu phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất và triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thống kê du lịch theo mô hình Tài khoản vệ tinh du lịch; chủ trì, phối hợp thực hiện các cuộc điều tra về thống kê du lịch; triển khai tập huấn về công tác thống kê du lịch.

- Cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực du lịch: Thực hiện các dịch vụ công và các hoạt động có thu trong lĩnh vực du lịch theo quy định của pháp luật.

3. Tổng số cán bộ có trình độ đại học trở lên của tổ chức

<i>TT</i>	<i>Cán bộ có trình độ đại học trở lên</i>	<i>Tổng số</i>
1	Tiến sỹ	01
2	Thạc sỹ	02
3	Đại học	25

4. Số cán bộ nghiên cứu của tổ chức trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ

<i>TT</i>	<i>Cán bộ có trình độ đại học trở lên</i>	<i>Số trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ</i>
1	Tiến sỹ	01
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	04

5. Kinh nghiệm và thành tựu KH&CN trong 5 năm gần nhất liên quan đến nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp của các cán bộ trong tổ chức trực tiếp tham gia đã kê khai ở mục 4 trên đây

Tổ chức nghiên cứu các đề tài khoa học, nghiên cứu ứng dụng các thành tựu về công nghệ thông tin và truyền thông, phục vụ cho công tác quản lý nhà nước của Tổng cục Du lịch (nay là Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam) và hoạt động kinh doanh du lịch; lưu trữ và phát triển các nguồn thông tin khoa học và công nghệ trong nước và thế giới liên quan đến du lịch để phục vụ cho công tác quản lý và phát triển du lịch.

Tên các đề tài/ dự án đã thực hiện trong 5 năm trở lại đây:

- Xây dựng Cơ sở dữ liệu thống kê du lịch (2017 - 2018)
- Xây dựng Cơ sở dữ liệu du lịch Việt Nam (2018-2019)
- Tăng cường quảng bá, tối ưu hóa website và nâng cao thứ hạng website của Tổng cục Du lịch trên các công cụ tìm kiếm (2018)
- Điều tra khách du lịch nội địa và điều tra khách du lịch quốc tế đến (2019)
- Ứng dụng công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng thông tin và trải nghiệm của khách du lịch (2019 – 2020)
- Xây dựng Cơ sở dữ liệu thống kê nhân lực trong ngành du lịch (2020)

- Xây dựng hệ thống đăng ký và tự đánh giá an toàn Covid-19 (2021)
- Đề án Phát triển du lịch số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2045 (2021)
- Đề án Ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0 để phát triển du lịch thông minh, thúc đẩy du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn (2022)

6. Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến nhiệm vụ KH&CN:

- Nhà xưởng:
- Trang thiết bị chủ yếu:

7. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài ngân sách SNKH) cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN đăng ký.

- Vốn tự có: triệu đồng (văn bản chứng minh kèm theo).
- Nguồn vốn khác: triệu đồng (văn bản chứng minh kèm theo).

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN
 (Họ, tên và chữ ký của người lãnh đạo tổ chức, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Hoàng Quốc Hòa

**LÝ LỊCH KHOA HỌC
CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM VÀ CÁ NHÂN THAM GIA
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

Đăng ký Chủ nhiệm nhiệm vụ: ☐
Đăng ký tham gia thực hiện nhiệm vụ: ☐

1. Họ và tên: HOÀNG QUỐC HÒA			
2. Năm sinh: 29/9/1978		3. Nam/Nữ: Nam	
4. Học hàm: Học vị: Cử nhân		Năm được phong học hàm: Năm đạt học vị: 2000	
5. Chức danh nghiên cứu: Chức vụ: Giám đốc			
6. Địa chỉ nhà riêng:			
7. Điện thoại: CQ: (024) 39437072; Mobile: 0913521270			
8. Fax:		E-mail: hqhoa@vietnamtourism.gov.vn	
9. Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân đăng ký tham gia: Tên tổ chức: Trung tâm Thông tin du lịch Tên người Lãnh đạo: Hoàng Quốc Hòa Điện thoại người Lãnh đạo: 0913521270 Địa chỉ tổ chức: Số 33 ngõ 294/2 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội			
10. Quá trình đào tạo			
Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp
Đại học	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính	2000
Thạc sỹ			
Tiến sỹ			
Thực tập sinh khoa học			
11. Quá trình công tác			
Thời gian (Từ năm ... đến năm...)	Vị trí công tác	Tổ chức công tác	Địa chỉ Tổ chức
7/2001 - 2/2016	Chuyên viên	Trung tâm Thông tin du lịch	114 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
3/2016 - 2/2021	Phó Giám đốc	Trung tâm Thông tin du lịch	Số 33 ngõ 294/2 Kim Mã, Hà Nội



3/2021 – 7/2023	Phó Giám đốc điều hành	Trung tâm Thông tin du lịch	Số 33 ngõ 294/2 Kim Mã, Hà Nội
8/2023 - nay	Giám đốc	Trung tâm Thông tin du lịch	Số 33 ngõ 294/2 Kim Mã, Hà Nội

12. Các công trình công bố chủ yếu

(liệt kê tối đa 05 công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký trong 5 năm gần nhất)

TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí đã đăng công trình)	Năm công bố

13. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, giống cây trồng đã được cấp... (liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)

TT	Tên và nội dung văn bằng	Năm cấp văn bằng

14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn (liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có)

TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)

15. Các nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì hoặc tham gia (trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)

Tên đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
Xây dựng Cơ sở dữ liệu du lịch Việt Nam	2018-2019	Chương trình Hành động quốc gia về Du lịch	đã nghiệm thu
Xây dựng Cơ sở dữ liệu thống kê du lịch	2017 - 2018	Chương trình Hành động quốc gia về Du lịch	đã nghiệm thu
Tăng cường quảng bá, tối ưu hóa website và nâng cao thứ hạng website của Tổng cục Du lịch trên các công cụ tìm kiếm	2018	Chương trình Xúc tiến du lịch quốc gia	đã nghiệm thu
Điều tra khách du lịch nội địa và điều tra khách du lịch quốc tế đến	2019		đã nghiệm thu

Ứng dụng công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng thông tin và trải nghiệm của khách du lịch	2019 – 2020	Chương trình Hành động quốc gia về Du lịch	đã nghiệm thu
Xây dựng Cơ sở dữ liệu thông kê nhân lực trong ngành du lịch	2020		đã nghiệm thu
Xây dựng hệ thống đăng ký và tự đánh giá an toàn Covid-19	2021		đã nghiệm thu
Đề án Phát triển du lịch số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2045	2021		đã nghiệm thu
Đề án Ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0 để phát triển du lịch thông minh, thúc đẩy du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn	2022		đã nghiệm thu
16. Giải thưởng <i>(về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)</i>			
TT	Hình thức và nội dung giải thưởng		Năm tặng thưởng
17. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác <i>(liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)</i>			

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN, DỰ ÁN
(Xác nhận và đóng dấu)



Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông Hoàng Quốc Hòa tham gia thực hiện đề tài/đề án, dự án

GIÁM ĐỐC
Hoàng Quốc Hòa

CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN, DỰ ÁN
(Họ, tên và chữ ký)


Hoàng Quốc Hòa

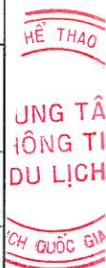
**LÝ LỊCH KHOA HỌC
CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM VÀ CÁ NHÂN THAM GIA
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

Đăng ký Chủ nhiệm nhiệm vụ: ☐
 Đăng ký tham gia thực hiện nhiệm vụ: ☐

1. Họ và tên: NGUYỄN DUY MINH			
2. Năm sinh: 17/12/1975		3. Nam/Nữ: Nam	
4. Học hàm: Học vị: Cử nhân		Năm được phong học hàm: Năm đạt học vị: 1996	
5. Chức danh nghiên cứu: Chức vụ: Trưởng phòng Công nghệ thông tin và Truyền thông			
6. Địa chỉ nhà riêng:			
7. Điện thoại: CQ: (024) 39437072; Mobile: 0913581246			
8. Fax:		E-mail: bd@vietnamtourism.gov.vn	
9. Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm: Tên tổ chức: Trung tâm Thông tin du lịch Tên người Lãnh đạo: Hoàng Quốc Hòa Điện thoại người Lãnh đạo: 0913521270 Địa chỉ tổ chức: Số 33 ngõ 294/2 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội			
10. Quá trình đào tạo			
Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp
Đại học	Đại học	Tin học	1996
Thạc sỹ			
Tiến sỹ			
Thực tập sinh khoa học			
11. Quá trình công tác			
Thời gian (Từ năm ... đến năm...)	Vị trí công tác	Tổ chức công tác	Địa chỉ Tổ chức
9/1997 – 6/2012	Chuyên viên	Trung tâm Thông tin du lịch	51 Lê Văn Hưu, Hà Nội
6/2012 - 6/2015	Phó trưởng Phòng phụ trách Phòng Nghiên cứu ứng dụng	Trung tâm Thông tin du lịch	114 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội



6/2015 - nay	công nghệ Trưởng phòng Công nghệ thông tin và Truyền thông	Trung tâm Thông tin du lịch	Số 33 ngõ 294/2 Kim Mã, Hà Nội	
12. Các công trình công bố chủ yếu <i>(liệt kê tối đa 05 công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đang ký trong 5 năm gần nhất)</i>				
TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí đã đăng công trình)	Năm công bố
13. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, giống cây trồng đã được cấp... <i>(liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)</i>				
TT	Tên và nội dung văn bằng		Năm cấp văn bằng	
14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn <i>(liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có)</i>				
TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	
15. Các nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì hoặc tham gia <i>(trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài/dự án, dự án đăng ký - nếu có)</i>				
Tên đề tài/dự án, dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia		Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
Xây dựng Cơ sở dữ liệu du lịch Việt Nam		2018 - 2019	Chương trình Hành động quốc gia về Du lịch	đã nghiệm thu
Xây dựng Cơ sở dữ liệu thống kê du lịch		2017 - 2018	Chương trình Hành động quốc gia về Du lịch	đã nghiệm thu
Ứng dụng công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng thông tin và trải nghiệm của khách du lịch		2019 - 2020	Chương trình Hành động quốc gia về Du lịch	đã nghiệm thu
Đề án Ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0 để phát triển du lịch thông minh,		2022		đã nghiệm thu



thúc đẩy du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn			
16. Giải thưởng (về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)			
TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng	
17. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác (liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)			

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA CÁ
NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC
THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) ĐỀ
TÀI/ĐỀ ÁN, DỰ ÁN**
(Xác nhận và đóng dấu)



Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết
để Ông Nguyễn Duy Minh tham gia thực hiện
đề tài/đề án, dự án

GIÁM ĐỐC
Hoàng Quốc Hòa

**CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM
(HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH)
ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN, DỰ ÁN**
(Họ, tên và chữ ký)

Nguyễn Duy Minh



LÝ LỊCH KHOA HỌC
CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM VÀ CÁ NHÂN THAM GIA THỰC
HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Đăng ký Chủ nhiệm nhiệm vụ:

☐

Đăng ký tham gia thực hiện nhiệm vụ:

☐

1. Họ và tên: ĐINH THỊ PHƯƠNG MAI			
2. Năm sinh: 07/02/1987		3. Nam/Nữ: Nữ	
4. Học hàm: Hoc vi: Cử nhân		Năm được phong học hàm: Năm đạt học vi: 2009	
5. Chức danh nghiên cứu: Chức vụ:			
6. Địa chỉ nhà riêng: Căn hộ 1005, tòa nhà Ruby 2, khu nhà ở, văn phòng, dịch vụ Goldmark City, 136 Hồ Tùng Mậu, P. Phú Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội			
7. Điện thoại: CQ: 04.39437072; NR: ; Mobile: 0942300712			
8. Fax:		E-mail: maititc@vietnamtourism.gov.vn	
9. Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân đăng ký tham gia thực hiện: Tên tổ chức: Trung tâm Thông tin du lịch – Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam Tên người Lãnh đạo: Hoàng Quốc Hòa Điện thoại người Lãnh đạo: 0913521270 Địa chỉ tổ chức: 33 ngõ 294/2 Kim Mã, P. Kim Mã, Q. Ba Đình, TP. Hà			
10. Quá trình đào tạo			
Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp
Đại học	Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN	Ngôn ngữ Pháp	2009
Thạc sỹ			
Tiến sỹ			
Thực tập sinh khoa học			
11. Quá trình công tác			
Thời gian (Từ năm ... đến năm...)	Vị trí công tác	Tổ chức công tác	Địa chỉ Tổ chức
Từ năm 2010-2023	Nhân viên	BP. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ	Trung tâm Thông tin du lịch – Tổng cục Du lịch (nay là Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam)



12. Các công trình công bố chủ yếu

(liệt kê tối đa 05 công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký trong 5 năm gần nhất)

TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí đã đăng công trình)	Năm công bố

13. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, giống cây trồng đã được cấp...

(liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)

TT	Tên và nội dung văn bằng	Năm cấp văn bằng

14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn

(liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có)

TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)

15. Các nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì hoặc tham gia

(trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)

Các nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì hoặc tham gia

(trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)

Tên đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ KH & CN đã chủ trì	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
Tên đề tài/ đề án, nhiệm vụ KH&CN đã tham gia	Thời gian (bắt đầu – Kết thúc)	Thuộc chương trình (nếu có)	Tình trạng đề tài (Đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)

Các nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia <i>(trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)</i>			
<i>Tên nhiệm vụ khác đã chủ trì</i>	<i>Thời gian (bắt đầu – Kết thúc)</i>	<i>Thuộc chương trình (nếu có)</i>	<i>Tình trạng đề tài (Đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)</i>
<i>Tên nhiệm vụ khác đã tham gia</i>	<i>Thời gian (bắt đầu – Kết thúc)</i>	<i>Thuộc chương trình (nếu có)</i>	<i>Tình trạng đề tài (Đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)</i>
Đề án Ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0 để phát triển du lịch thông minh, thúc đẩy du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn	2021-2022		Đã nghiệm thu
Đề án Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành du lịch	Trong năm 2023		Đã nghiệm thu
16. Giải thưởng <i>(về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)</i>			
TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng	
17. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác <i>(liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)</i>			

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN, DỰ ÁN
(Xác nhận và đóng dấu)



Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Bà Đinh Thị Phương Mai tham gia thực hiện đề tài/đề án, dự án

CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN, DỰ ÁN

(Họ, tên và chữ ký)

(Chữ ký)

Đinh Thị Phương Mai

GIÁM ĐỐC
Hoàng Quốc Hòa

LÝ LỊCH KHOA HỌC
CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM VÀ CÁ NHÂN THAM GIA
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Đăng ký Chủ nhiệm nhiệm vụ:
Đăng ký tham gia thực hiện nhiệm vụ:

☐
☐

1. Họ và tên: NGUYỄN THÀNH NAM			
2. Năm sinh: 17/7/1980		3. Nam/Nữ: Nam	
4. Học hàm: Học vị: Cử nhân		Năm được phong học hàm: Năm đạt học vị: 2003	
5. Chức danh nghiên cứu: Chức vụ:			
6. Địa chỉ nhà riêng:			
7. Điện thoại: CQ: (024) 39437072; Mobile: 0912730174			
8. Fax:		E-mail: namnt@vietnamtourism.gov.vn	
9. Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm: Tên tổ chức: Trung tâm Thông tin du lịch Tên người Lãnh đạo: Hoàng Quốc Hòa Điện thoại người Lãnh đạo: 0913521270 Địa chỉ tổ chức: Số 33 ngõ 294/2 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội			
10. Quá trình đào tạo			
Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp
Đại học	Đại học	Thông tin học	2003
Thạc sỹ			
Tiến sỹ			
Thực tập sinh khoa học			
11. Quá trình công tác			
Thời gian (Từ năm ... đến năm...)	Vị trí công tác	Tổ chức công tác	Địa chỉ Tổ chức
9/2003 – 6/2012	Chuyên viên	Trung tâm Thông tin du lịch	51 Lê Văn Hưu, Hà Nội
6/2012 - 6/2015	Chuyên viên	Trung tâm Thông tin du lịch	114 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội



6/2015 – đến nay		Chuyên viên	Trung tâm Thông tin du lịch	Số 33 ngõ 294/2 Kim Mã, Hà Nội
12. Các công trình công bố chủ yếu <i>(liệt kê tối đa 05 công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký trong 5 năm gần nhất)</i>				
TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí đã đăng công trình)	Năm công bố
13. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, giống cây trồng đã được cấp... <i>(liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)</i>				
TT	Tên và nội dung văn bằng		Năm cấp văn bằng	
14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn <i>(liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có)</i>				
TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	
15. Các nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì hoặc tham gia <i>(trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)</i>				
Tên đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia		Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
16. Giải thưởng <i>(về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)</i>				
TT	Hình thức và nội dung giải thưởng		Năm tặng thưởng	



17. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác

(liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA CÁ NHÂN
ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA
THỰC HIỆN CHÍNH) ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN, DỰ ÁN**

(Xác nhận và đóng dấu)



Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông
Nguyễn Thành Nam tham gia thực hiện
đề tài/đề án, dự án

GIÁM ĐỐC
Hoàng Quốc Hòa

**CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM
(HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH)
ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN, DỰ ÁN**

(Họ, tên và chữ ký)

Nam
Nguyễn Thành Nam



LÝ LỊCH KHOA HỌC
CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM VÀ CÁ NHÂN THAM GIA
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Đăng ký Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Đăng ký tham gia thực hiện nhiệm vụ:

☐
☐

1. Họ và tên: NGUYỄN ĐẠO DŨNG			
2. Năm sinh: 04/10/1972		3. Nam/Nữ: Nam	
4. Học hàm: Thạc sĩ Học vị: Cử nhân		Năm được phong học hàm: 2019 Năm đạt học vị: 1995	
5. Chức danh nghiên cứu: Chức vụ: Trưởng phòng Quản lý Lữ hành			
6. Địa chỉ nhà riêng: Số 24 ngõ 75, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội			
7. Điện thoại: CQ: (024) 39423760; Mobile: 0901569879			
8. Fax:		E-mail: ndaodung@vietnamtourism.gov.vn	
9. Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân đăng ký thành viên: Tên tổ chức: Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam Tên người Lãnh đạo: Nguyễn Trùng Khánh Điện thoại người Lãnh đạo: 0946861688 Địa chỉ tổ chức: 80 Quán Sứ, Hoàn Kiếm, Hà Nội			
10. Quá trình đào tạo			
Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp
Đại học	Đại học Luật Hà Nội	Luật Kinh tế	1995
Thạc sĩ	ĐH KHXH và Nhân văn	Quản trị Du lịch và lữ hành	2019
Tiến sĩ			
Thực tập sinh khoa học			
11. Quá trình công tác			
Thời gian (Từ năm ... đến năm...)	Vị trí công tác	Tổ chức công tác	Địa chỉ Tổ chức
Từ tháng 10/1995 đến tháng 8/2005	Chuyên viên	Trung tâm Thông tin du lịch	51 Lê Văn Hưu, Hà Nội
8/2005 - 01/2011	Phó trưởng Phòng phụ trách Phòng Nghiên cứu ứng dụng công nghệ	Trung tâm Thông tin du lịch	114 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

15. Các nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì hoặc tham gia <i>(trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)</i>			
<i>Tên đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia</i>	<i>Thời gian (bắt đầu - kết thúc)</i>	<i>Thuộc Chương trình (nếu có)</i>	<i>Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)</i>
Nghiên cứu xây nhu cầu về thông tin du lịch để xây dựng một số ấn phẩm phục vụ tuyên truyền quảng bá du lịch Việt Nam, xây dựng sản phẩm thử nghiệm giới thiệu du lịch Hà Nội	2009 - 2009	Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ	Đã nghiệm thu
Nghiên cứu xây dựng xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin khoa học công nghệ trong ngành du lịch	2008 - 2008	Chương trình Hành động quốc gia về Du lịch	Đã nghiệm thu
16. Giải thưởng <i>(về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)</i>			
TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng	
17. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác <i>(liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)</i>			



Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN, DỰ ÁN



Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông Nguyễn Đạo Dũng tham gia thực hiện đề tài/đề án, dự án

CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN, DỰ ÁN
(Họ, tên và chữ ký)

Nguyễn Đạo Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

Họ tên: Nguyễn Văn Minh

Nghề nghiệp: Chuyên viên

Ngày, tháng, năm sinh: 20/12/1979

Số năm công tác: 23

Quốc tịch: Việt Nam

Tham gia tổ chức nghề nghiệp: Giám đốc Trung tâm thông tin xúc tiến Du lịch Ninh Bình.

Mô tả chi tiết nhiệm vụ dự kiến được phân công: Tổ chức, quản lý và triển khai các nội dung của nhiệm vụ đảm bảo chất lượng các sản phẩm và đúng tiến độ giải ngân theo hợp đồng và đề cương được phê duyệt.

Năng lực:

[Mô tả chi tiết kinh nghiệm và các khóa đào tạo đã tham dự đáp ứng phạm vi công tác được phân công. Mô tả chi tiết nhiệm vụ được phân công trong các dự án đã thực hiện, thời gian và địa điểm thực hiện]

10. Quá trình đào tạo

Thời gian	Làm gì	ở đâu
1. Các khoá đào tạo dài hạn		
1997 - 2001	Học Đại học- Khoa Sinh KTNN	Đại học Sư phạm Hà Nội
2009 – 2011	Học Thạc sĩ chuyên ngành Sinh Thái học	Đại học Sư phạm Hà Nội
2. Các khoá đào tạo ngắn hạn		
1. Tháng 3/2009	Tập huấn nâng cao chất lượng quản lý phát triển bền vững các khu di sản và khu dự trữ sinh	UBQG MAB và VP UNESCO tại Việt Nam tổ chức



	qua bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý bền vững nguồn tài nguyên rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng tại xã Kim Trung-Kim Sơn		
5	Nghiên cứu xây dựng thương hiệu du lịch ninh bình	2023-2024	Tỉnh Ninh Bình

3. Trình độ học vấn:

[Nêu rõ các bằng cấp liên quan, tổ chức cấp bằng, thời gian học và loại bằng cấp]

• Quá trình đào tạo

Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp
Đại học	Đại học Sư phạm Hà Nội	Sinh KTNN	2001
Thạc sĩ	Đại học Sư phạm Hà Nội	Sinh Thái học	2011

4. Kinh nghiệm công tác:

[Mô tả các vị trí công tác đã đảm nhiệm, đơn vị công tác, thời gian công tác tại từng vị trí. Trong phần mô tả kinh nghiệm cần nêu rõ nhiệm vụ được phân công cụ thể trong từng dự án và tên/địa chỉ của chủ đầu tư/bên mời thầu]

• Quá trình công tác

Thời gian	Làm gì	ở đâu
2001 – 2007	Giáo viên, Bí thư đoang trường, thường vụ huyện đoàn	Trường THPT Yên Khánh B- Yên Khánh- Ninh Bình
2007 – 2017	Giảng viên – Bí thư đoàn – Phó trưởng khoa Nông lâm trường Đại học Hoa Lư	Đại học Hoa Lư- Ninh Bình

	<p>bảo vệ đê biển. Độ cao của các vùng nghiên cứu nhìn chung nằm ở vùng ngập triều và nền đất tương đối chặt. Đất các khu vực nghiên cứu đều thuộc loại đất sét pha thịt, đất dưới tán rừng. Ở các khu vực nghiên cứu tương đối thành thực. Kết quả phân tích mô hình hồi quy đa biến cho thấy trong các nhân tố sinh thái nghiên cứu có ba nhân tố ảnh hưởng chủ yếu đến cây Trang tái sinh, đó là thủy triều do quá trình quai đê, chất hữu cơ và pH đất. Về khả năng tái sinh tự nhiên của cây Trang có sự khác biệt giữa trong và ngoài đê Bình Minh 3(BM3).</p>
--	--

5.3. Báo cáo khoa học đăng trong tuyển tập Hội nghị, Hội thảo khoa học theo thứ tự năm công bố (kèm bản photocopy bìa và mục lục tài liệu)

STT	Tên báo cáo	Tác giả (các đồng tác giả)	Tên Hội nghị, Hội thảo	Cơ quan tổ chức, Nơi tổ chức	Tháng năm tổ chức	Tên tuyển tập Hội nghị, Hội thảo	từ trang... đến trang...	Nơi lưu trữ
1	Đa dạng thành phần loài và phân bố của thảm thực vật ở rừng ngập mặn ven biển huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình	Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Thị Hồng Liên, Trần Anh Thư	Hội thảo quốc gia lần II về nghiên cứu và giảng dạy sinh học ở Việt Nam	Đại học SP-Đại học Đà Nẵng	5/2016	Báo cáo khoa học về nghiên cứu và giảng dạy sinh học ở Việt Nam	495- 504	NXB ĐHQG Hà Nội ISBN 978-604-913-408-1
<p>Tóm tắt: Từ kết quả nghiên cứu đa dạng thành phần loài tại rừng ngập mặn ven biển huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình đã xác định được 107 loài thuộc 93 chi, 53 họ thuộc hai ngành thực vật bậc cao có mạch là ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) và ngành Hạt kín (Angiospermae). Đây là công trình đầu tiên nghiên cứu về đa dạng thành phần loài thực vật và sự phân bố của chúng tại khu vực rừng ngập mặn ven biển huyện Kim Sơn. Trong đó, đã thống kê được 77 loài có ích (chiếm 71,96% tổng số loài): 46 loài (42,99%) có giá trị làm thuốc, 16 loài (14,95%) sử dụng làm thực phẩm, 8 loài cây cho gỗ (7,47%). Dạng sống của thảm thực vật khu vực nghiên cứu được chia thành 7 dạng là cây thân thảo, cây bụi, cây thân gỗ, dây leo, cây thủy sinh, cây ký sinh[10]. Đã xây dựng được các lớp phủ thực vật và sự phân bố thảm thực vật tại vùng ven biển Kim Sơn. Đồng thời cũng xác định được 5 kiểu thảm thực vật ngập mặn ven biển huyện Kim Sơn.</p>								
2	Ảnh hưởng của quai đê tới đặc điểm lý hóa học của đất tại vùng rừng ngập mặn ven biển huyện	Nguyễn văn Minh, Nguyễn Thị Hồng Liên, Phạm Văn Khoản	Hội thảo quốc gia lần II về nghiên cứu và giảng dạy sinh học ở Việt Nam	Đại học SP-Đại học Đà Nẵng	5/2016	Báo cáo khoa học về nghiên cứu và giảng dạy sinh học ở Việt Nam	487- 494	NXB ĐHQG Hà Nội ISBN 978-604-913-408-1

	Đọc	Viết	Nói	Nghe
Tiếng Anh	Tốt	Khá	Khá	Khá
Tiếng Nga	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình

Xác nhận:

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật.

Ninh Bình, ngày 7 tháng 9 năm 2024

Người khai


Nguyễn Văn Minh

XÁC NHẬN CỦA SỞ DU LỊCH NINH BÌNH



GIÁM ĐỐC
BÙI VĂN MẠNH

PHÂN

**LÝ LỊCH KHOA HỌC
CỦA CÁ NHÂN THỰC HIỆN CHÍNH NHIỆM VỤ KH&CN**

ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ:

☐

ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ:

☒

Tên nhiệm vụ: “Nghiên cứu xây dựng nền tảng bản đồ số du lịch để phát triển du lịch bền vững”

1. Họ và tên: Trần Thanh Hà					
2. Năm sinh: 03/3/1981		Nam/Nữ: Nữ			
3. Số định dạng cá nhân/CCCD: 036181008599					
4. Học hàm:		Năm được phong học hàm:			
Học vị: Tiến sĩ		Năm đạt học vị: 2018			
5. Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên chính					
Chức vụ:					
6. Điện thoại cơ quan: 0984375400		E-mail: tranthanhha@humg.edu.vn			
7. Địa chỉ: Số 18, phố Viên, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội					
8. Nơi làm việc của cá nhân đăng ký thành viên chính:					
Tên tổ chức: Trường Đại học Mỏ - Địa Chất					
Tên người Lãnh đạo: Trần Thanh Hải					
Điện thoại: 024 3838 3314		Website: humg.edu.vn			
Địa chỉ: Số 18, phố Viên, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.					
9. Quá trình đào tạo					
Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp		
Đại học	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Trắc địa ảnh – Viễn thám	2004		
Thạc sỹ	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Trắc địa ảnh – Viễn thám	2010		
Tiến sỹ	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Bản đồ viễn thám và Hệ thống tin địa lý	2018		
10. Trình độ ngoại ngữ (mỗi mục đề nghị ghi rõ mức độ: Tốt/Khá/TB)					
TT	Tên ngoại ngữ	Nghe	Nói	Đọc	Viết
1	Tiếng Anh B2	Tốt	Tốt	Tốt	khá
11. Quá trình công tác					
Thời gian		Vị trí công	Tổ chức công tác	Địa chỉ Tổ chức	

(Từ năm ... đến năm...)	tác		
2005 - 2015	Giảng viên	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Phường Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
2015-2018	Giảng viên, Nghiên cứu sinh	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Phường Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
2018- 2020	Giảng viên, Tiến sỹ	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Phường Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
2020 - nay	Giảng viên chính, Tiến sỹ	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Phường Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

12. Các công trình KHCN chủ yếu được công bố, sách chuyên khảo: (liệt kê công trình tiêu biểu đã công bố trong 5 năm gần nhất)

TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí đã đăng công trình)	Năm công bố
1	Forest Fire Risk Assessment and Mapping Using Support Vector Machine Algorithm, A Case Study in Nghe An Province, Viet Nam	Đồng tác giả	European Geographical Studies	2022
2	Applying Random Forests Algorithm for land cover mapping based satellite imagery	Đồng tác giả	Vietnam Journal of Agriculture and Rural development	2023
3	Evaluation of Water Column Correction Methods in Mapping Seagrass Bed Using Remote Sensing Data in Khanh Hoa Province, Vietnam. Journal of Geography	Đồng tác giả	Environment and Earth Science International	2022
4	Studying and developing a set of criteria for prioritizing GHG emission reduction measures in metallurgical sector	Đồng tác giả	Inżynieria Mineralna – Journal of the Polish Mineral Engineering Society	2020
5	Identifying the methods for greenhouse gas emission inventory and application for the metallurgy industry	Đồng tác giả	International Conference Economic Management in Mineral Activities – EMMA 5	2020
6	Research to develop a monitoring, reporting and verification (MRV)	Đồng tác giả	International Conference Economic Management in	2020

	framework for GHG emissions in the Metallurgical Sector		Mineral Activities – EMMA 5	
7	Mapping Surface Water Bodies based Water Indices Extracted from Sentinel 2 Images, case study in coastal areas of Ninh Thuan Province	Đồng tác giả	Quản lý môi trường và phát triển tài nguyên thiên nhiên EMRN	2020
8	Ảnh Radar và ứng dụng trong xây dựng mô hình số bề mặt (DSM)	Chủ biên	Sách chuyên khảo	2020
9	Cơ sở đo ảnh và viễn thám	Đồng tác giả	Giáo trình	2024
13. Số lượng văn bằng độc quyền sáng chế/ giải pháp hữu ích/ văn bằng bảo hộ quyền tác giả/phần mềm đã được cấp (nếu có)				
TT	Tên và nội dung văn bằng		Năm cấp văn bằng	
14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn (liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có)				
TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	
15. Các đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia (trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)				
Tên đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì		Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
Nghiên cứu thuật toán chiết tách thông số chất lượng nước từ ảnh vệ tinh VNREDSat-1 hỗ trợ công tác nuôi trồng thủy sản tại cửa sông Thị Vải.		2019	Đề tài cấp Cơ sở	Đã nghiệm thu.
Tên đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia		Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
Nghiên cứu ứng dụng công nghệ địa không gian xây dựng dữ liệu không gian địa lý 3D cho thành phố thông minh ven biển phù hợp với điều kiện Việt Nam, thí điểm tại khu vực thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh		2020-2022	Đề tài cấp Bộ	Đã nghiệm thu

Nghiên cứu ứng dụng dữ liệu viễn thám đa thời gian trong giám sát sự biến động hệ thực vật vùng ven biển (vùng chuyển tiếp giữa lục địa và biển, bao gồm vùng biển ven bờ và vùng đất ven biển).	2020-2022	Nhiệm vụ KHCN thuộc đề tài, dự án cấp quốc gia - TNMT.2020.08.03	Đã nghiệm thu
Nghiên cứu, triển khai hệ thống kiểm kê phát thải khí nhà kính và đề xuất lộ trình giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với ngành công nghiệp luyện kim	2017-2020	Nhiệm vụ KHCN thuộc đề tài, dự án cấp Nhà nước - BDKH.20/16-20	Đã nghiệm thu
Nghiên cứu ứng dụng ngôn ngữ lập trình Javascript trên nền tảng điện toán đám mây Google Earth Engine để đánh giá tình trạng hạn hán từ dữ liệu ảnh viễn thám	2021	Đề tài cấp cơ sở	Đã nghiệm thu
Nghiên cứu xây dựng công nghệ điều tra, giám sát và bản đồ phân vùng rủi ro ô nhiễm rác thải nhựa ở biển Việt Nam	2020-2023	Đề tài độc lập cấp quốc gia - DTĐL-CN-55/20	Đang thực hiện
Nghiên cứu xử lý Asen trong nước ngầm ở khu vực huyện Thanh Trì, Hà Nội bằng hệ thống mô phỏng đất ngập nước nhân tạo	2021	Đề tài cấp cơ sở	Đã nghiệm thu
Nghiên cứu xây dựng mô hình trí tuệ nhân tạo XGBoost dự báo lũ khu vực tỉnh Cà Mau bằng dữ liệu ảnh vệ tinh Rada giao thoa đa thời gian	2021-2023	Nhiệm vụ KHCN thuộc đề tài, dự án cấp quốc gia - B2022-MDA-13	Đang thực hiện
Nghiên cứu mô hình dự báo nguy cơ cháy rừng bằng công nghệ Địa không gian, thử nghiệm cho khu vực phía Tây tỉnh Nghệ An	2022-2024	Đề tài cấp cơ sở	Đang thực hiện
Nghiên cứu ảnh hưởng của hoạt động kiến tạo đến các tham số chuyển đổi giữa hệ tọa độ quốc gia, hệ tọa độ quốc tế và đề xuất giải pháp, xây dựng công cụ chuyển đổi tọa độ, độ sâu bản đồ địa hình đáy biển và	2024-2026	Nhiệm vụ KHCN thuộc đề tài, dự án cấp quốc gia - TNMT.2024.04.09	Đang thực hiện

hải đồ theo mô hình mặt biển trung bình và mô hình mặt biển thấp nhất			
Nghiên cứu ứng dụng mạng nơ-ron hồi quy LSTM (Long Short Term Memory) kết hợp mô hình USLE trong dự đoán tiềm năng xói mòn đất	2024-2025	Đề tài cấp cơ sở	Đang thực hiện
16. Giải thưởng <i>(về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)</i>			
TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng	
17. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác <i>(liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)</i>			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trường Đại học Mỏ - Địa Chất đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Bà Trần Thanh Hà tham gia thực hiện đề tài cấp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch "Nghiên cứu xây dựng nền tảng bản đồ số du lịch để phát triển du lịch bền vững".



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

Hà Nội, ngày tháng năm 2024
**CÁ NHÂN THAM GIA THỰC
 HIỆN CHÍNH NHIỆM VỤ**

KH&CN

(Họ, tên và chữ ký)



TS. Trần Thanh Hà



LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA CÁ NHÂN THỰC HIỆN CHÍNH NHIỆM VỤ KH&CN

ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ: ☐

ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ: ☒

Tên nhiệm vụ: “Nghiên cứu xây dựng nền tảng bản đồ số du lịch để phát triển du lịch bền vững”

1. Họ và tên: Trần Thị Hòa					
2. Năm sinh: 10/06/1987			Nam/Nữ: Nữ		
3. Số định danh cá nhân/CCCD: 036187008906					
4. Học hàm:			Năm được phong học hàm:		
Học vị: Tiến sĩ			Năm đạt học vị: 2019		
5. Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên					
Chức vụ:					
6. Điện thoại cơ quan: 0979090687			E-mail: tranthihoa@humg.edu.vn		
7. Địa chỉ: Số 18, phố Viên, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội					
8. Nơi làm việc của cá nhân đăng ký thành viên chính:					
Tên tổ chức: Trường Đại học Mỏ - Địa Chất					
Tên người Lãnh đạo: Trần Thanh Hải					
Điện thoại: 024 3838 3314			Website: humg.edu.vn		
Địa chỉ: Số 18, phố Viên, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.					
9. Quá trình đào tạo					
Bậc đào tạo		Nơi đào tạo		Chuyên môn	Năm tốt nghiệp
Đại học		Trường Đại học Mỏ - Địa chất		Trắc địa – Bản đồ	2010
Thạc sỹ		Trường Đại học Mỏ - Địa chất		Bản đồ viễn thám và Hệ thống tin địa lý	2012
Tiến sỹ		Đại học Bách Khoa Virginia, Hoa Kỳ		Phân tích địa không gian và môi trường	2019
10. Trình độ ngoại ngữ (mỗi mục đề nghị ghi rõ mức độ: Tốt/Khá/TB)					
TT	Tên ngoại ngữ	Nghe	Nói	Đọc	Viết
1	Tiếng Anh	Tốt	Tốt	Tốt	khá
11. Quá trình công tác					

Thời gian (Từ năm ... đến năm...)	Vị trí công tác	Tổ chức công tác	Địa chỉ Tổ chức
2010 - 2012	Giảng viên	Trường Đại học Mở - Địa chất	Phường Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
2014-2019	Nghiên cứu sinh	Đại học Bách Khoa Virginia, Hoa Kỳ	Hoa Kỳ
2019- nay	Giảng viên, Tiến sỹ	Trường Đại học Mở - Địa chất	Phường Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

12. Các công trình KHCN chủ yếu được công bố, sách chuyên khảo: (liệt kê công trình tiêu biểu đã công bố trong 5 năm gần nhất)

TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí đã đăng công trình)	Năm công bố
1	Deep Learning Approach for Inundation Area Detection Using Sentinel Data.	Đồng tác giả	Lecture Notes on Data Engineering and Communications Technologies: International Conference on Intelligence of Things ICIT 2023, Vietnam. Springer, Cham	2023
2	Applying Random Forests Algorithm for land cover mapping based satellite imagery	Tác giả	Vietnam Journal of Agriculture and Rural development	2023
3	Bayesian Approach for Static Object Detection and Localization in Unmanned Ground Vehicles	Đồng tác giả	Lecture Notes on Data Engineering and Communications Technologies: International Conference on Intelligence of Things ICIT 2023, Vietnam. Springer, Cham	2023
4	Drought and human impacts on land use and land cover change in a Vietnamese coastal area	Tác giả	Remote Sensing	2019

5	Monitoring drought vulnerability using multispectral indices observed from sequential remote sensing (Case Study: Tuy Phong, Binh Thuan, Vietnam). DOI: 10.1080/15481603.2017.1287838	Tác giả	GIScience and Remote Sensing	2017
	A novel approach of neural networks and USLE in smart soil erosion modelling, case study in Southern Coastal of Vietnam	Tác giả	GIS IDEAS 2023, Hà Nội	2023
	Monitoring surface water quality using Sentinel images	Đồng tác giả	VACI, Hà Nội	2019
6	Ảnh Radar và ứng dụng trong xây dựng mô hình số bề mặt (DSM)	Chủ biên	Sách chuyên khảo	2020

13. Số lượng văn bằng độc quyền sáng chế/ giải pháp hữu ích/ văn bằng bảo hộ quyền tác giả/phần mềm đã được cấp (nếu có)		
TT	Tên và nội dung văn bằng	Năm cấp văn bằng

14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn (liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có)			
TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)

15. Các đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia (trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)			
Tên đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
Nghiên cứu ứng dụng mạng nơ-ron hồi quy LSTM (Long-Short-Term-Memory) kết hợp mô hình USLE trong dự đoán tiềm năng xói mòn đất.	2024	Đề tài cấp Cơ sở	Đang thực hiện

Tên đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
16. Giải thưởng (về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)			
TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng	
17. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác (liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trường Đại học Mỏ - Địa Chất đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Bà Trần Thị Hòa tham gia thực hiện đề tài cấp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du Lịch “Nghiên cứu xây dựng nền tảng bản đồ số du lịch để phát triển du lịch bền vững”.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

Hà Nội, ngày tháng năm 2024
CÁ NHÂN THAM GIA THỰC
HIỆN CHÍNH NHIỆM VỤ

KH&CN

(Họ, tên và chữ ký)

TS. Trần Thị Hòa



LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA CÁ NHÂN THỰC HIỆN CHÍNH NHIỆM VỤ KH&CN

ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ: ☐

ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ: ☒

Tên nhiệm vụ: “Nghiên cứu xây dựng nền tảng bản đồ số du lịch để phát triển du lịch bền vững”

1. Họ và tên: Trần Trường Giang					
2. Năm sinh: 18/01/1985		Nam/Nữ: Nam			
3. Số định dạng cá nhân/CCCD: 001085037968					
4. Học hàm:		Năm được phong học hàm:			
Học vị: Thạc sĩ		Năm đạt học vị: 2013			
5. Chức danh nghề nghiệp: Giảng viên chính					
Chức vụ:					
6. Điện thoại cơ quan: 0948618185		E-mail: trantruonggiang@humg.edu.vn			
7. Địa chỉ: Số 18, phố Viên, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội					
8. Nơi làm việc của cá nhân đăng ký thành viên chính:					
Tên tổ chức: Trường Đại học Mỏ - Địa Chất					
Tên người Lãnh đạo: Trần Thanh Hải					
Điện thoại: 024 3838 3314		Website: humg.edu.vn			
Địa chỉ: Số 18, phố Viên, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.					
9. Quá trình đào tạo					
Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp		
Đại học	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Tin học Trắc Địa	2008		
Thạc sĩ	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Khoa học Trái đất	2013		
10. Trình độ ngoại ngữ (mỗi mục đề nghị ghi rõ mức độ: Tốt/Khá/TB)					
TT	Tên ngoại ngữ	Nghe	Nói	Đọc	Viết
1	Tiếng Anh B2	Tốt	Tốt	Tốt	khá
11. Quá trình công tác					
Thời gian (Từ năm ... đến năm...)	Vị trí công tác	Tổ chức công tác	Địa chỉ Tổ chức		
2010 - 2011	Giảng viên	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Phường Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội		

2011-2013	Học Thạc sỹ	Viện ITC, Đại học Twente, Hà Lan	Hà Lan
2013 - nay	Giảng viên chính, Thạc sỹ	Trường Đại học Mở - Địa chất	Phường Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

12. Các công trình KH&CN chủ yếu được công bố, sách chuyên khảo: (liệt kê công trình tiêu biểu đã công bố trong 5 năm gần nhất)

TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí đã đăng công trình)	Năm công bố
1	Ứng dụng mạng học sâu UNET phân loại lớp phủ bề mặt sử dụng dữ liệu mở Sentinel	Đồng tác giả	Lecture Notes on Data Engineering and Communications Technologies: Intelligence of Things: Technologies and Applications. ICIT 2023	2023
2	Deep Learning Approach for Inundation Area Detection Using Sentinel Data	Tác giả	Lecture Notes on Data Engineering and Communications Technologies: Intelligence of Things: Technologies and Applications. ICIT 2023	2023

13. Số lượng văn bằng độc quyền sáng chế/ giải pháp hữu ích/ văn bằng bảo hộ quyền tác giả/phần mềm đã được cấp (nếu có)

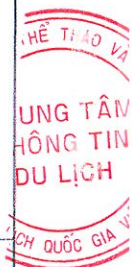
TT	Tên và nội dung văn bằng	Năm cấp văn bằng

14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn (liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có)

TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)

15. Các đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia (trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)

Tên đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
Ứng dụng cấu trúc mạng nơ-ron Học Sâu U-NET phát hiện vùng ngập lụt	2023	Đề tài cấp Cơ sở	Đã nghiệm thu.



trên dữ liệu ảnh vệ tinh đa phổ			
<i>Tên đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia</i>	<i>Thời gian (bắt đầu - kết thúc)</i>	<i>Thuộc Chương trình (nếu có)</i>	<i>Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)</i>
Nghiên cứu xây dựng hệ thống giám sát điều độ tập trung hoạt động sản xuất cho mỏ lộ thiên khai thác khoáng sản.	2025	KHCN cấp quốc gia	Đang thực hiện

16. Giải thưởng
(về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)

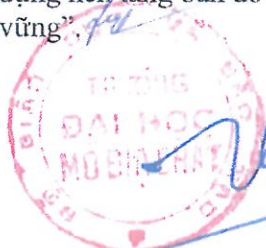
TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng

17. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác
(liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trường Đại học Mỏ - Địa Chất đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông Trần Trường Giang tham gia thực hiện đề tài cấp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du Lịch “Nghiên cứu xây dựng nền tảng bản đồ số du lịch để phát triển du lịch bền vững”.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

Hà Nội, ngày tháng năm 2024
CÁ NHÂN THAM GIA THỰC
HIỆN CHÍNH NHIỆM VỤ

KH&CN

(Họ, tên và chữ ký)

ThS. Trần Trường Giang



**LÝ LỊCH KHOA HỌC
CỦA CÁ NHÂN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN¹**

ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ:

☐

ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH NHIỆM VỤ²:

☒

Tên nhiệm vụ: “Nghiên cứu xây dựng nền tảng bản đồ số du lịch để phát triển du lịch bền vững”

1. Họ và tên: Đinh Bảo Ngọc			
2. Năm sinh: 16/12/1989		3. Nam/Nữ: Nam	
4. Học hàm: Học vị: Thạc sỹ		Năm được phong học hàm: Năm đạt học vị: 2019	
5. Chức danh nghiên cứu: Chức vụ:			
6. Điện thoại: Tổ chức: Mobile: 0975275118			
7. Fax: E-mail: dinhbaongoc1612@gmail.com			
8. Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân đăng ký: Tên tổ chức : Trường Đại học Mỏ - Địa chất Tên người Lãnh đạo: GS.TS. Trần Thanh Hải Điện thoại người Lãnh đạo: 024.38389633 Website: humg.edu.vn Địa chỉ tổ chức: Số 18, phố Viên, Phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Tp Hà Nội			
9. Quá trình đào tạo			
Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp
Đại học	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Công nghệ thông tin	2012
Thạc sỹ	Trường Đại học Curtin	Khoa học địa không gian	2019
10. Quá trình công tác			
Thời gian (Từ năm ... đến năm...)	Vị trí công tác	Tổ chức công tác	Địa chỉ Tổ chức
Từ 2012 – đến nay	Cán bộ giảng dạy	Khoa công nghệ thông tin	Trường Đại học Mỏ Địa Chất, Số 18, phố Viên, Phường Đức Thắng, quận

¹ Mẫu Lý lịch này dùng cho các cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện chính đề tài/đề án hoặc dự án SXTN cấp Quốc gia. Lý lịch được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

² Nếu đăng ký tham gia, ghi số thứ tự theo mục 12 bản thuyết minh đề tài KH&CN hoặc mục 11 bản thuyết minh đề tài KH&CN/đề án hoặc mục 11 bản Thuyết minh dự án SXTN tương ứng.

			Bắc Từ Liêm, Tp Hà Nội	
11. Các công trình công bố chủ yếu <i>(liệt kê tối đa 05 công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký trong 5 năm gần nhất)</i>				
TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí đã đăng công trình)	Năm công bố
1	“Atlas điện tử Tây Nguyên”	Đồng tác giả	Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ số 31/3-2017, Trang 52-58.	2017
2	A WebGIS system to Support sustainable development in Tay Nguyen	Đồng tác giả	International Conference on GeoInformatics for Spatial-Infrastructure Development in Earth & Allied Sciences (GIS- IDEAS)	2016
3	Nghiên cứu truyền nhận dữ liệu giữa các thiết bị di động với hệ thống máy chủ	Đồng tác giả	Khoa học đo đạc bản đồ	2020
12. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp <i>(liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)</i>				
TT	Tên và nội dung văn bằng		Năm cấp văn bằng	
13. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn <i>(liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có)</i>				
TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	
14. Các đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia <i>(trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)</i>				
Tên đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia		Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)



Nghiên cứu ứng dụng dữ liệu ảnh vệ tinh VNREDSat-1 trong công tác giám sát và quản lý tài nguyên thiên nhiên, môi trường khu vực trung du Bắc bộ, ứng dụng phục vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.	2015-2017	Đề tài cấp nhà nước Mã số KHCN-VT/12-15	Đã nghiệm thu
Xây dựng CSDL và Atlas điện tử Tổng hợp vùng Tây Nguyên	2015-2017	Đề tài cấp nhà nước Mã số T22/TN3	Đã nghiệm thu
Xây dựng bản đồ du lịch điện tử tỉnh Ninh Bình	2017-2018	Đề tài cấp Tỉnh	Đã nghiệm thu
Hoàn thiện và chuyển giao mô hình tích hợp thư viện điện tử và Atlas điện tử Tây Nguyên phục vụ quản trị và truyền thông CSDL khoa học công nghệ	2018-2020	Đề tài cấp nhà nước Mã số TN18-C05	Đã nghiệm thu
Nghiên cứu ứng dụng viễn thám và GIS trong quản lý, giám sát đường biên và trợ giúp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội kết hợp đảm bảo quốc phòng - an ninh khu vực biên giới phía bắc, ứng dụng cho tỉnh Cao Bằng	2018-2020	Đề tài cấp nhà nước Mã số VT-UD.07/18-20	Đã nghiệm thu
Nghiên cứu phát triển phần mềm trung tâm giám sát độ ẩm đất, mức độ hạn đất, trượt lở đất trên máy chủ tích hợp công nghệ web-gis cho một tỉnh khu vực miền núi phía bắc, thí điểm tại tỉnh Lai Châu.	2019-2021	Đề tài cấp Bộ Giáo dục & Đào tạo. Chương trình 4.0 Mã số: CT.2019.01.05	Chưa nghiệm thu
Xây dựng bản đồ du lịch điện tử tỉnh Đắk Nông	2022-2024	Đề tài cấp Tỉnh	Chưa nghiệm thu
15. Giải thưởng <i>(về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)</i>			
TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng	

TỈNH VÀ
G TÂN
IG TIN
LỊCH
ỐC GIA V

16. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác
(liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trường Đại học Mỏ - Địa Chất đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông Đinh Bảo Ngọc tham gia thực hiện đề tài cấp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du Lịch “Nghiên cứu xây dựng nền tảng bản đồ số du lịch để phát triển du lịch bền vững”.



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS Trần Thanh Hải

CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM
(HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN
CHÍNH)

ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN, DỰ ÁN
(Họ, tên và chữ ký)

Đinh Bảo Ngọc



